

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN HIỀN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN HIỀN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Đức Dũng	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Võ Hồng Chương	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
4	Lê Lan Châu	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên Hội đồng	
5	Võ Nguyễn Quỳnh Mỹ	Tổng phụ trách Đội – Tổ trưởng Tổ Giáo dục công dân	Ủy viên Hội đồng	
6	Võ Bảo Hưng Phước Đào	Bí thư Chi đoàn	Ủy viên Hội đồng	
7	Trần Thụy Ngọc Trân	Thư ký Hội đồng	Ủy viên Hội đồng	

8	Phạm Thị Lệ Thu	Tổ trưởng tổ Toán	Ủy viên Hội đồng	
9	Nguyễn Ngọc Anh Thư	Tổ trưởng tổ Ngữ văn	Ủy viên Hội đồng	
10	Đào Thị Tuyết Hồng	Tổ trưởng tổ Tiếng Anh	Ủy viên Hội đồng	
11	Vũ Thị Thơm	Tổ trưởng tổ Khoa học tự nhiên	Ủy viên Hội đồng	
12	Nguyễn Thị Phương Dung	Tổ trưởng tổ Lịch Sử và Địa lí	Ủy viên Hội đồng	
13	Huỳnh Kim Ngọc Quế	Tổ trưởng tổ Công nghệ	Ủy viên Hội đồng	
14	Phan Thụy Sỹ	Tổ trưởng tổ Giáo dục thể chất	Ủy viên Hội đồng	
15	Phạm Hữu Bình	Tổ trưởng tổ Tin học	Ủy viên Hội đồng	
16	Lâm Thúy Ngân	Tổ trưởng tổ Nghệ thuật	Ủy viên Hội đồng	
17	Nguyễn Thị Hồng Thúy	Tổ trưởng tổ Hoạt động trải nghiệm – Hướng nghiệp	Ủy viên Hội đồng	
18	Huỳnh Thị Tường Vi	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Ủy viên Hội đồng	
19	Lê Thị Thanh Trúc	Nhân viên Kế toán	Ủy viên Hội đồng	
20	Phan Nguyễn Thúc Huy	Trưởng ban Thanh tra Nhân dân	Ủy viên Hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	6
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	8
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	16
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	16
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	18
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	18
Mở đầu	18
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	19
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.	21
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	22
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	25
Tiêu chí 1.5: Lớp học	27
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	29
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	32
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	34
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	37
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	39
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	43
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	43
Mở đầu	43
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	43
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	46
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	49
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	52
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	54

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	54
Mở đầu	54
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	55
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	56
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị	58
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	60
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	62
Tiêu chí 3.6: Thư viện	64
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	67
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	67
Mở đầu	67
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	67
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	70
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	73
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	74
Mở đầu	74
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	74
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	77
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	79
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	81
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	83
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	87
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	92
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	94
Phần IV. PHỤ LỤC	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x
Tiêu chuẩn 4				

Tiêu chí 4.1		x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	
Tiêu chí 5.5		x	x	x
Tiêu chí 5.6		x	x	

Kết quả: đạt Mức 2.

2. Kết luận: trường đạt Mức 2.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hiền.

Tên trước đây: Trường Trung học cơ sở Bán công Nguyễn Hiền.

Trường Trung học cơ sở Công lập tự chủ tài chính Nguyễn Hiền.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân Quận 7.

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Đức Dũng
Huyện/quận/thị xã/thành phố	07	Điện thoại	0907368848
Xã/phường/thị trấn	Bình Thuận	Fax	Không
Đạt chuẩn quốc gia	Có	Website	thcsnguyenhienq7.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2001	Số điểm trường	01
Công lập	x	Loại hình khác	Không
Tư thục	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Dân lập	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024
Khối lớp 6	10	10	10	13	15

Khối lớp 7	10	11	10	09	12
Khối lớp 8	08	10	10	10	09
Khối lớp 9	07	08	10	10	09
Cộng	35	39	40	42	45

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	65	65	65	65	65	
1	Phòng học	43	43	43	43	45	
a	Phòng kiên cố	43	43	43	43	45	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
2	Phòng học bộ môn	16	16	16	16	14	
a	Phòng kiên cố	16	16	16	16	14	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
3	Khối phục vụ học tập	06	06	06	06	06	
a	Phòng kiên cố	06	06	06	06	06	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	11	11	11	11	11	
1	Phòng kiên cố	11	11	11	11	11	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	

TT	Số liệu	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024	Ghi chú
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
III	Thư viện	02	02	02	02	02	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác	06	06	06	06	06	
	Cộng	81	81	81	81	81	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 10 năm 2024.

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	00	00	00	01	00	
Phó hiệu trưởng	02	01	00	00	00	02	
Giáo viên	79	57	00	01	72	06	
Nhân viên	15	09	00	00	15	00	
Cộng	97	67	00	01	88	08	

b) Số liệu của 05 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024
1	Tổng số giáo viên	63	68	71	72	76
2	Tỉ lệ giáo viên/lớp	1,80	1,74	1,78	1,71	1,69

TT	Số liệu	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024
3	Tỉ lệ giáo viên/học sinh	0,04	0,04	0,05	0,04	0,04
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên	01	Không tổ chức	02	01	06
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	00	00	00	00	00

4. Học sinh

a) Số liệu chung

T T	Số liệu	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	1460	1570	1542	1715	1884	
	- Nữ	700	761	735	827	894	
	- Dân tộc thiểu số	36	39	31	38	52	

T T	Số liệu	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024	Ghi chú
	- Khối lớp 6	423	419	365	551	617	
	- Khối lớp 7	419	414	389	368	519	
	- Khối lớp 8	336	404	392	398	357	
	- Khối lớp 9	282	333	396	398	391	
2	Tổng số tuyển mới	412	419	365	551	617	
3	Học 2 buổi/ngày	1460	1570	1542	1715	1884	
4	Bán trú	1177	1408	1380	1550	1718	
5	Nội trú	00	00	00	00	00	
6	Bình quân số học sinh/lớp học	$1460/35 =$ 41,71	$1570/39 =$ 40,25	$1542/40 =$ 38,55	$1715/42 =$ 40,83	$1884/45 =$ 41,87	
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	$1460/1460$ = 100%	$1570/1570$ = 100%	$1542/1542$ = 100%	$1715/1715$ = 100%	$1884/1884$ = 100%	
	- Nữ	700	761	735	827	894	
	- Dân tộc thiểu số	36	23	31	38	52	

T T	Số liệu	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024	Ghi chú
8	Tổng số học sinh giỏi cấp quận/ thành phố	16/04	15/5	16/5	28/10	12/10	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia	00	00	00	00	00	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	08	00	00	03	06	
	- <i>Nữ</i>	05	00	00	00	00	
	- <i>Dân tộc thiểu số</i>	11	00	00	00	00	
11	Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt	13	00	00	00	00	

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024
----------------	------------------------------------	------------------------------------	------------------------------------	------------------------------------	------------------------------------

Tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi (theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT)	36,64%	37,13%	45,41%	41,71%	41,03%
Tỉ lệ học sinh xếp loại học tập tốt (theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT)			27,95%	38,96%	39,19%
Tỉ lệ học sinh xếp loại khá (theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT)	38,15%	38,85%	40,31%	42,09%	42,05%
Tỉ lệ học sinh xếp loại học tập khá (theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT)			39,18%	37,21%	37,05%
Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu, kém (theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT)	2,33%	4,33%	0,68%	0,88%	00%
Tỉ lệ học sinh xếp loại học tập chưa đạt (theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT)			3,01%	2,83%	2,48%
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt (theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT)	85,07%	81,66%	90,22%	91,46%	97,18%
Tỉ lệ học sinh xếp loại rèn luyện tốt (theo			84,66%	84,3%	88,12%

Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT)					
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạng kiểm khá (theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT)	12,95%	15,69%	9014%	7,79%	2,82%
Tỉ lệ học sinh xếp loại rèn luyện khá (theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT)			13.97%	13,8%	9,93%
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạng kiểm trung bình (theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT)	1,99%	1,46%	0,68%	0,75%	00%
Tỉ lệ học sinh xếp loại rèn luyện đạt (theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT)			0,27%	1,85%	1,74%

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hiền trước đây là Trường Trung học cơ sở Bán công Nguyễn Hiền được thành lập theo Quyết định số 84/QĐ-UB-TC ngày 31 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban nhân dân Quận 7, tại địa điểm số 36B đường Lâm Văn Bền, Khu phố 5, phường Tân Thuận Tây, Quận 7. Sau 5 năm thành lập, vào ngày 15 tháng 11 năm 2006, Ủy ban nhân dân Quận 7 ban hành Quyết định số 51/QĐ-UBND về việc chuyển đổi loại hình nhà trường từ trường Trung học cơ sở Bán công Nguyễn Hiền thành trường Trung học cơ sở Công lập tự chủ tài chính Nguyễn Hiền. Đến năm 2007, Ủy ban nhân dân Quận 7 tiếp tục ban hành Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2007 về việc đổi tên trường Trung học cơ sở Công lập tự chủ tài chính Nguyễn Hiền thành trường Trung học cơ sở Nguyễn Hiền.

Từ năm học 2009 – 2010, trường Trung học cơ sở Nguyễn Hiền được chuyển sang cơ sở mới tại số 66 đường Số 1, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hiền có nhiệm vụ tiếp nhận giảng dạy và giáo dục học sinh từ lớp 6 đến lớp 9. Trường có diện tích 12.983,3 m² bao gồm 3 dãy lầu có 45 phòng học, có đầy đủ các phòng chức năng và sân chơi.

Trong nhiều năm qua, nhà trường thực hiện tốt chương trình và các hoạt động giáo dục. Cán bộ quản lý nhà trường đã triển khai hiệu quả các nội dung giáo dục nên chất lượng giảng dạy của nhà trường luôn ổn định và từng bước được nâng cao. Từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2023 – 2024, nhà trường được công nhận danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc, nhận Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố. Tháng 10 năm 2020, trường Trung học cơ sở Nguyễn Hiền được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh công nhận là trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Với mục tiêu “Nâng cao chất lượng đào tạo, tạo được uy tín; nhận được sự tin tưởng, tín nhiệm của cha mẹ học sinh và học sinh” và sứ mạng “Tạo dựng môi trường học tập thân thiện, nề nếp – kỷ cương, chất lượng cao để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển tiềm năng, tính sáng tạo và năng lực tư duy”, trường Trung học cơ sở Nguyễn Hiền phấn đấu hoàn thành kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020 – 2025 và tiếp tục duy trì, thúc đẩy sự phát triển của đơn vị trong giai đoạn 2025 – 2030.

2. Mục đích tự đánh giá

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hiền đã thực hiện quá trình tự đánh giá với mục đích tự xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục của đơn vị trong từng giai đoạn; để từ đó nhà trường có kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường, để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và chuẩn quốc gia. Kết quả kiểm định chất lượng đạt được sẽ khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Trên cơ sở của Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trường Trung học cơ sở Nguyễn Hiền đã tổ chức các hoạt động nhằm tự kiểm tra và đánh giá các hoạt động của nhà trường. Quá trình tự kiểm tra đánh giá, rà soát các tiêu chuẩn, tiêu chí cần đạt được so với chuẩn để thấy được các điểm mạnh, điểm yếu, xây dựng kế hoạch và các biện pháp thực hiện cụ thể, mang tính khả thi để cải tiến chất lượng nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn đã đề ra theo quy định.

Hiệu trưởng đã lập kế hoạch, ra quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá của nhà trường, đồng thời triển khai các hoạt động đánh giá, phân công cụ thể từng thành viên, từng nhóm công tác để thực hiện đánh giá các tiêu chí, các tiêu chuẩn, thu thập đầy đủ các minh chứng cho việc tự đánh giá.

Quá trình tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo đúng quy trình đã được quy định:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá (ngày 30 tháng 10 năm 2023).
- Lập kế hoạch tự đánh giá (ngày 30 tháng 10 năm 2023).
- Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng (từ ngày 06 tháng 11 năm 2023 đến ngày 25 tháng 02 năm 2024).
- Đánh giá mức đạt được theo từng tiêu chí (từ ngày 26 tháng 2 năm 2024 đến ngày 10 tháng 3 năm 2024).
- Viết báo cáo tự đánh giá (từ ngày 11 tháng 3 năm 2024 đến ngày 17 tháng 3 năm 2024).
- Công bố báo cáo tự đánh giá (ngày 24 tháng 3 năm 2024).
- Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá (từ ngày 01 tháng 4 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024).

Trong quá trình triển khai, thực hiện tự đánh giá đã cho thấy nhà trường cơ bản đảm bảo việc thực hiện công tác quản lý, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục theo mục tiêu giáo dục mà Luật Giáo dục đã quy định.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hiền có cơ cấu tổ chức theo quy định của Điều lệ trường trung học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường trung học (sau đây gọi là Điều lệ trường trung học). Nhà trường có đủ các hội đồng theo quy định bao gồm Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật và các Hội đồng tư vấn khác với thành phần theo quy định, thực hiện nhiệm vụ một cách công khai, công bằng, dân chủ. Các tổ chuyên môn, các

đoàn thể được tổ chức đúng thành phần, hoạt động có kế hoạch rõ ràng dựa theo nhiệm vụ chung từng năm học. Hiệu trưởng tổ chức và quản lý nhà trường theo đúng quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020 – 2025 phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở được quy định tại Luật Giáo dục (Điều 29 Luật số: 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2020), phù hợp định hướng phát triển kinh tế – xã hội của địa phương và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-

01]; [H1-1.2-02]

b) Nhà trường xây dựng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, được xác định rõ ràng bằng văn bản và đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 7 phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường đã được công bố công khai dưới hình thức niêm yết tại bản tin và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của nhà trường <http://thcsnguyenhienq7.hcm.edu.vn> [H1-1.1-03].

Mức 2:

Nhà trường có phân công các bộ phận giám sát tiến độ thực hiện kế hoạch chiến lược theo từng năm học, đồng thời dự đoán tình hình phát triển của nhà trường về mọi mặt và đề xuất giải pháp điều chỉnh, bổ sung [H1-1.1-04];

Mức 3:

Từng năm học, Hội đồng trường đều tổ chức rà soát, đối chiếu với các chỉ tiêu trong chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường với định hướng phát triển kinh tế – xã hội của địa phương theo từng giai đoạn. Từ đó, nhà trường có giải pháp bổ sung, điều chỉnh những nội dung với sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, các bộ phận đoàn thể. Tuy nhiên, việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa có sự tham gia tích cực của cha mẹ học sinh và cộng đồng [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

Chiến lược phát triển nhà trường được xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở, sát với thực tế của đơn vị. Hằng năm, được Hội đồng trường rà soát, bổ sung, điều chỉnh kịp thời.

3. Điểm yếu

Việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa có sự tham gia tích cực của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, Hội đồng trường tiếp tục rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch chiến lược theo định kỳ hằng năm, kết hợp với việc tham khảo ý kiến đóng góp từ cha mẹ học sinh và các lực lượng xã

hội có liên quan, để xây dựng phương hướng phát triển nhà trường cho những năm tiếp theo.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã tiến hành thủ tục thành lập và chọn các thành viên của Hội đồng trường theo đúng hướng dẫn tại Điều 20 Điều lệ trường trung học. Ủy ban nhân dân Quận 7 đã ban hành Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2018 về công nhận Hội đồng trường Trung học cơ sở Nguyễn Hiền nhiệm kỳ 2017 – 2022 và Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2020 về việc kiện toàn Hội đồng trường Trung học cơ sở Nguyễn Hiền nhiệm kỳ 2020 – 2025, và Quyết định số 3636/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc kiện toàn Hội đồng trường Trung học cơ sở Nguyễn Hiền nhiệm kỳ 2020 - 2025. Hiệu trưởng đã ban hành quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng và các hội đồng tư vấn theo yêu cầu của từng công việc cụ thể hằng năm như: Hội đồng kiểm tra học kỳ, Hội đồng kiểm tra lại và xét duyệt cuối năm, Hội đồng chấm đề tài, sáng kiến kinh nghiệm, Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường, Hội đồng tự đánh giá. Trong các năm học vừa qua, trường không có giáo viên, nhân viên và học sinh vi phạm đến mức kỷ luật nên không thành lập Hội đồng kỷ luật. Hằng năm, nhà trường đều lập tờ trình đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân Quận 7 ra quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh và hội đồng xét tốt nghiệp

trung học cơ sở [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06]; [H1-1.2-07]; [H1-1.2-08].

b) Hội đồng trường hoạt động theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học. Các hội đồng tư vấn khác trong nhà trường hoạt động đúng quy định và tư vấn cho Hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm, quyền hạn theo quy định về công tác thi đua, khen thưởng, tuyển sinh đầu cấp, kiểm tra học kỳ, chăm sóc kiến kinh nghiệm, thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi [H1-1.2-09]; [H1-1.2-10]; [H1-1.2-11]; [H1-1.2-12]; [H1-1.2-13]; [H1-1.2-14].

c) Cuối năm học nhà trường đều thực hiện rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện nhiệm vụ và hoạt động [H1-1.1-04]; [H1-1.2-15].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng tư vấn hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của đơn vị. Tuy nhiên, nhà trường đôi lúc chưa chủ động về thời gian khi tổ chức các cuộc họp của các hội đồng tư vấn vì một số thành viên làm công tác dạy lớp [H1-1.1-04]; [H1-1.2-15]; [H1-1.2-16].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các hội đồng theo quy định và các hội đồng hoạt động hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa chủ động về thời gian khi tổ chức các cuộc họp của các hội đồng tư vấn vì một số thành viên làm công tác đứng lớp giảng dạy.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục phân công và tạo điều kiện thuận lợi cho các hội đồng tư vấn hoạt động, phát huy tốt vai trò của các tổ chức trong nhà trường; sắp xếp thời gian họp của các hội đồng tư vấn hợp lý để các thành viên dự họp đầy đủ và đảm bảo chất lượng cuộc họp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường như Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh có cơ cấu tổ chức theo quy định. Trường có Chi hội Chữ thập đỏ trực thuộc Hội Chữ thập đỏ Quận 7 và Chi hội Khuyến học thuộc Hội Khuyến học phường Bình Thuận [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05].

b) Công đoàn cơ sở trường Trung học cơ sở Nguyễn Hiền có 96 công đoàn viên, Chi đoàn có 19 đoàn viên và Liên đội gồm 45 chi đội tương ứng với 45 lớp. Mỗi tổ chức đoàn thể trong nhà trường đều có kế hoạch hoạt động theo đúng quy định. Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở đã thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với công đoàn viên, phối hợp với chính quyền chăm lo và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động; Chi đoàn và Liên đội đã phối hợp chặt chẽ với Quận Đoàn 7,

Đoàn phường Bình Thuận và Hội đồng Đội Quận 7 để tổ chức các hoạt động tạo môi trường giáo dục rèn luyện đoàn viên, thanh thiếu nhi nhằm góp phần thực hiện tốt công tác thanh niên, tích cực chăm lo xây dựng Đoàn, xây dựng các Hội của thanh niên và Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh của địa phương và đơn vị. Chi hội Chữ thập đỏ, Chi hội Khuyến học trường phối hợp tốt với địa phương và thực hiện nhiệm vụ theo quy định [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08]; [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05].

c) Hằng năm, đoàn thể và các tổ chức khác thực hiện rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện nhiệm vụ và hoạt động trong năm hoặc trong nhiệm kỳ [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08].

Mức 2:

a) Chi bộ trường Trung học cơ sở Nguyễn Hiền là chi bộ trực thuộc Đảng bộ phường Bình Thuận, Quận 7 và có 37 đảng viên. Chi ủy của chi bộ gồm: Hiệu trưởng là Bí thư chi bộ, Phó Hiệu trưởng là Phó Bí thư chi bộ và ba đảng viên là chi ủy viên. Chi bộ sinh hoạt định kỳ hằng tháng, lãnh đạo việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và các nhiệm vụ khác trong nhà trường. Từ năm 2019 đến năm 2023 chi bộ đều được xếp loại chất lượng mức “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” [H1-1.3-09]; [H1-1.3-10]; [H1-1.3-11].

b) Tổ chức đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định, đồng thời có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường đạt hiệu quả cao. Nhiều đảng viên trong chi bộ đóng vai trò chủ chốt trong nhà trường như Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Chi đoàn, Tổng phụ trách Đội và tổ trưởng chuyên môn [H1-1.2-15].

Mức 3:

a) Trong 04 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Chi bộ đều được đánh giá, phân loại chất lượng mức hoàn thành tốt nhiệm vụ. Kết quả cụ thể như sau:

- Năm 2019: “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”
- Năm 2020: “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”
- Năm 2021: “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”
- Năm 2022: “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”

- Năm 2023: “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” [H1-1.3-11].

b) Công đoàn, Chi Đoàn, Liên đội và các tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường, cộng đồng trong công tác chăm sóc, giáo dục học sinh và thực hiện nhiệm vụ năm học. Trong 05 năm từ 2020 đến 2024, Công đoàn được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ; Chi Đoàn được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Liên đội được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tuy nhiên, số lượng đoàn viên chi đoàn còn ít so với tổng số giáo viên toàn trường (19/79) và đa số là nữ (13/19) nên đôi lúc gặp hạn chế trong hoạt động phong trào [H1-1.3-12]; [H1-1.3-13]; [H1-1.3-14].

2. Điểm mạnh

Tổ chức Đảng, đoàn thể trong nhà trường hoạt động đúng quy định. Trong 05 năm từ năm 2019 đến năm 2023, Chi bộ nhà trường được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Số lượng đoàn viên chi đoàn còn ít so với tổng số giáo viên toàn trường (19/79) và đa số là nữ (13/19) nên đôi khi gặp khó khăn khi cần nam đoàn viên tham gia các hoạt động phong trào do Đoàn Thanh niên cấp trên đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, Chi bộ tiếp tục lãnh đạo các đoàn thể phát huy các thành tích đã đạt được và đặc biệt là hết sức hỗ trợ Chi đoàn để có thể đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có Hiệu trưởng, số lượng Phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường trung học theo tiêu chuẩn trường hạng I [H1-1.4-01].

b) Nhà trường có 11 tổ chuyên môn đảm bảo cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều lệ trường trung học, phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông 2018, gồm: Tổ Ngữ văn, Tổ Toán học, Tổ Tiếng Anh, Tổ Lịch sử và Địa lí, Tổ Giáo dục công dân, Tổ Khoa học tự nhiên, Tổ Công nghệ, Tổ Tin học, Tổ Giáo dục thể chất, Tổ Nghệ thuật, Tổ Hoạt động trải nghiệm – Hướng nghiệp và 01 Tổ Văn phòng. Đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng ra quyết định phân công nhiệm vụ cho các tổ trưởng tổ chuyên môn và tổ văn phòng [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

c) Tổ chuyên môn thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 16, Điều lệ trường trung học. Hằng năm, các tổ chuyên môn đều xây dựng kế hoạch dạy học và các hoạt động giáo dục khác. Các tổ chuyên môn sinh hoạt 02 lần/tháng đúng theo quy định về hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và các hoạt động giáo dục khác, cơ bản đảm bảo chất lượng và nội dung sinh hoạt. Tổ Văn phòng thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 17 Điều lệ trường trung học. Tổ trưởng xây dựng kế hoạch hoạt động và thực hiện công tác trong năm học theo từng bộ phận được phân công [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05].

Mức 2:

a) Các tổ chuyên môn hằng năm đều có kế hoạch và thực hiện tốt chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học [H1-1.4-06].

b) Sau mỗi học kỳ và cuối năm học, hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh thông qua báo cáo sơ kết, tổng kết [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08]; [H1-1.4-09].

Mức 3:

a) Căn cứ vào kế hoạch hoạt động, tổ chuyên môn và tổ văn phòng đã có những đóng góp tích cực trong việc hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đảm bảo đủ điều kiện về cơ sở vật chất, chế độ chính sách cho đội ngũ và các hoạt động giáo dục [H1-1.4-10]; [H1-1.4-11].

b) Hằng năm, các tổ chuyên môn đều chọn lựa các chuyên đề và thực hiện có hiệu quả các chuyên đề góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, vẫn còn một vài chuyên đề cần mở rộng phạm vi ứng dụng để mang lại hiệu quả cho bộ môn hơn [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08]; [H1-1.4-09].

2. Điểm mạnh

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức và kế hoạch hoạt động đúng quy định theo Điều lệ trường trung học. Hằng năm, các tổ chuyên môn thực hiện có hiệu quả các chuyên đề góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

So với mục tiêu đề ra vẫn còn một vài chuyên đề chưa được vận dụng nhiều vào giảng dạy, cần mở rộng phạm vi ứng dụng để mang lại hiệu quả bộ môn hơn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chuyên đề góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, nội dung kiểm tra nội bộ cần tăng cường kiểm tra việc vận dụng chuyên đề của giáo viên vào các tiết dạy trên lớp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đủ các khối lớp từ lớp 6 đến lớp 9 (khối 6: 15 lớp; khối 7: 12 lớp; khối 8: 9 lớp; khối 9: 09 lớp) [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

b) Lớp học được tổ chức theo quy định của Điều 16 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường trung học; Mỗi lớp có lớp trưởng, một hoặc hai lớp phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học; mỗi lớp học được chia thành các tổ học sinh; mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

c) Mỗi lớp học có một giáo viên chủ nhiệm quản lý học sinh; giáo viên chủ nhiệm phân công cho lớp trưởng, các lớp phó chịu trách nhiệm quản lý lớp; tổ trưởng, tổ phó có trách nhiệm quản lý tổ; hoạt động của lớp học bảo đảm tính dân chủ, tự quản, hợp tác. Mỗi học sinh được chủ động thảo luận, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ và của lớp học với sự hỗ trợ của giáo viên. Ban cán sự lớp và ban cán sự tổ hàng tuần báo cáo cho giáo viên chủ nhiệm tình hình học tập, kỷ luật và vệ sinh của lớp. Tuy nhiên, một số lớp vẫn còn có học sinh ý thức tự quản chưa cao, chưa tự giác trong học tập và rèn luyện bản thân [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

Mức 2:

Trường có 45 lớp. Bình quân 41,87 học sinh/lớp. Sĩ số học sinh toàn trường là 1884 học sinh (khối 6: 617 học sinh; khối 7: 519 học sinh; khối 8: 357 học sinh; khối 9: 391 học sinh) [H1-1.5-03]; [H1-1.5-04].

Mức 3:

Trong các năm học, trường có không quá 45 lớp. Trong chu kỳ 05 năm từ 2020 – 2024, sĩ số bình quân là 40,36 học sinh/lớp [H1-1.5-03]; [H1-1.5-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện việc biên chế học sinh trong từng lớp, cơ cấu tổ chức lớp học phù hợp với quy định tại Điều lệ trường trung học. Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

3. Điểm yếu

Một số lớp vẫn còn có học sinh ý thức tự quản chưa cao, chưa tự giác trong học tập và rèn luyện bản thân.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm thực hiện tổ chức lớp học theo quy định.

Hiệu trưởng kiến nghị Ủy ban nhân dân và Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 7 có kế hoạch phân bổ số lượng học sinh tuyển sinh lớp 6 phù hợp với tình hình thực tế của trường nhằm tạo điều kiện cho trường đảm bảo số học sinh của mỗi lớp học đúng với sĩ số theo quy định và từng bước giảm số lượng học sinh/lớp xuống dưới 40 học sinh.

Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm các lớp giáo dục học sinh nâng cao tinh thần tự quản, tăng cường bồi dưỡng đội ngũ ban cán sự lớp để tất cả học sinh trong các lớp tự quản, tự giác trong học tập và rèn luyện bản thân.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ, sổ sách phục vụ hoạt động giáo dục và được bảo quản và lưu trữ theo quy định, quản lý hành chính, tài chính theo Chương IV Điều 39, Điều 40, Điều 41, Điều 42, Điều 43 của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường trung học. Các sổ sách hành chính được lưu trữ tại văn phòng, quản lý tài chính và tài sản tại bộ phận kế toán, các chứng từ thu chi và thanh toán trong năm cũng được lưu trữ và bảo quản khoa học theo đúng nguyên tắc tài chính [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06].

b) Mỗi năm, nhà trường lập dự toán ngân sách nhà nước và được cấp trên phê duyệt, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo đúng chế độ kế toán, tài chính của nhà nước, Phòng Tài chính – Kế hoạch Quận 7. Nhà trường đảm bảo công khai tài chính để cán bộ, giáo viên, nhân viên được

biết để tham gia giám sát, kiểm tra và thực hiện công tác kiểm tra tài chính của nhà trường theo định kỳ. Hiệu trưởng xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm; được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05]; [H1-1.6-07].

c) Nhà trường thực hiện công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Tuy nhiên, việc thanh lý tài sản hư hỏng, hết hạn sử dụng chưa kịp thời, nhiều tài sản hư hỏng, hết hạn sử dụng từ nhiều năm trước vẫn chưa được thanh lý theo quy định [H1-1.6-08]; [H1-1.6-09].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản. Trường sử dụng các phần mềm như: phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp IMAS, phần mềm quản lý tài sản, công cụ dụng cụ, phần mềm Bảo hiểm xã hội EFY, phần mềm báo cáo thuế, các phần mềm thu phí không dùng tiền mặt [H1-1.6-10].

b) Trong 05 năm học gần đây, trường thực hiện nghiêm túc công tác tài chính, tài sản, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý tài chính và tài sản [H1-1.6-03].

Mức 3:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tự chủ tài chính theo quy định của các cấp, tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương để phục vụ cho các hoạt động của nhà trường. Mức độ tự chủ về tài chính của trường tính đến thời điểm hiện tại là 38% [H1-1.6-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ, sổ sách phục vụ hoạt động giáo dục và lưu trữ hồ sơ theo đúng quy định, thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, tài sản đúng theo quy định.

3. Điểm yếu

Việc thanh lý tài sản hư hỏng, hết hạn sử dụng chưa kịp thời, nhiều tài sản hư hỏng, hết hạn sử dụng từ nhiều năm trước vẫn chưa được thanh lý theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2024 – 2025 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục thực hiện quản lý thu chi tài chính, quản lý và sử dụng tài sản đúng quy định. Tiếp tục thực hiện kế hoạch nâng mức độ tự chủ tài chính của trường cao hơn nữa.

Hàng năm, Hiệu trưởng tổ chức kiểm kê tài sản, xây dựng kế hoạch thanh lý các tài sản hư hỏng, hết hạn sử dụng theo đúng quy định.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị, tin học, ngoại ngữ cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhằm tạo điều kiện tốt cho sự phát triển chất lượng đội ngũ [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02].

b) Đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng ra quyết định phân công nhiệm vụ cho cán bộ giáo viên, nhân viên theo đúng vị trí việc làm và trình độ, năng lực của mỗi cá

nhân nhằm đảm bảo hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường [H1-1.4-03]; [H1-1.7-03]; [H1-1.7-04].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường trung học và pháp luật: được tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh, được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo các chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo, được trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức tham gia quản lý nhà trường; được hưởng lương và phụ cấp (nếu có) theo quy định, được cử tham gia các lớp bồi dưỡng, dự hội nghị chuyên đề để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H1-1.7-01]; [H1-1.7-05]; [H1-1.7-06]; [H1-1.7-07].

Mức 2:

Nhà trường đã có nhiều biện pháp và hình thức phát triển năng lực, sở trường của cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn như tăng cường dự giờ, thao giảng, hội giảng, chuyên đề, hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, thường xuyên giám sát và kiểm tra sinh hoạt tổ chuyên môn, lấy chuyên môn làm cơ sở để bồi dưỡng đội ngũ. Nhà trường có kế hoạch cho giáo viên tự học bồi dưỡng thường xuyên và luôn tạo điều kiện để cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia các khóa học nâng chuẩn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy; nhân viên bảo vệ, kế toán, văn thư, thư viện đều được tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ. Đời sống vật chất tinh thần của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được quan tâm; được động viên, hỗ trợ phát huy thế mạnh sở trường. Hiện nay, trường có 08 cán bộ, giáo viên đã tốt nghiệp cao học, 02 giáo viên đang theo học cao học, 01 giáo viên đang học đại học, 03 giáo viên đang học trung cấp chính trị [H1-1.2-14] [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02]; [H1-1.7-05].

Tuy nhiên, theo quy định của Công văn số 3448/GDĐT-TrH ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thực hiện tổ chức dạy học tiếng Anh tăng cường trong trường trung học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2019 – 2020 thì các giáo viên tiếng Anh

của trường đã có chứng chỉ B2 (bậc 4/6) nhưng chưa đạt đến bậc 5/6 khung năng lực ngoại ngữ.

2. Điểm mạnh

Giáo viên, nhân viên luôn được tạo điều kiện để bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ và phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực đối với mỗi cá nhân.

3. Điểm yếu

Giáo viên tiếng Anh dạy chương trình tiếng Anh tăng cường chưa đạt bậc 5/6 khung năng lực ngoại ngữ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục đẩy mạnh việc bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên bằng cách yêu cầu giáo viên tích cực dự giờ học hỏi kinh nghiệm của đồng nghiệp, tham gia tốt việc dự các chuyên đề; đề cử giáo viên tham gia học các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của ngành để nâng cao chuyên môn, tay nghề. Tiếp tục phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên một cách hợp lý theo năng lực, sở trường của giáo viên để đạt được hiệu quả cao trong các hoạt động giáo dục.

Giáo viên tiếng Anh tích cực tự tham gia học, tự bồi dưỡng chuyên môn để đạt được chứng chỉ bậc 5/6 theo khung tham chiếu châu Âu, đáp ứng được các hoạt động chuyên môn trong giai đoạn mới. Hiệu trưởng có chế độ khen thưởng và đánh giá thi đua hằng quý để giáo viên tiếng Anh có động lực tự bồi dưỡng nâng cao trình độ theo yêu cầu.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường được xây dựng trên định hướng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 7 và điều kiện thực tế của địa phương cũng như của nhà trường. Trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng trong chương trình giáo dục phổ thông và điều kiện thực tế của nhà trường và khả năng học tập của học sinh, các tổ chuyên môn chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giảng dạy bộ môn theo định hướng phát triển năng lực và tăng cường kỹ năng vận dụng kiến thức của học sinh [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

b) Nhà trường đã tổ chức thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày và thực hiện một số chương trình giáo dục nhà trường như kế hoạch dạy năng khiếu thể dục thể thao, kế hoạch dạy kỹ năng sống, kế hoạch dạy STEM, kế hoạch dạy Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh với người nước ngoài, Tiếng Anh qua môn Toán – Khoa học, kế hoạch dạy Tin học theo chuẩn quốc tế, kế hoạch phổ cập bơi [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]; [H1-1.8-04].

c) Việc thực hiện kế hoạch giáo dục, kế hoạch giảng dạy và học tập được thực hiện đầy đủ. Trong phiên họp hội đồng giáo dục hằng tháng, thông qua việc báo cáo công tác của các bộ phận, tập thể hội đồng giáo dục nhà trường cùng nhau đánh giá việc thực hiện công tác và cùng thảo luận biện pháp khắc phục các hạn chế nếu có. [H1-1.2-15]; [H1-1.4-05]; [H1-1.4-08]; [H1-1.8-05].

Mức 2:

Trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục, nhà trường đã xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ theo từng năm học. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Ban kiểm tra nội bộ gồm Phó Hiệu trưởng và các tổ trưởng. Các thành viên trong Ban kiểm tra nội bộ được phân công kiểm tra, đánh giá các hoạt động của trường theo kế hoạch. Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên giúp giáo

viên, nhân viên nâng cao ý thức, chủ động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; các vấn đề còn hạn chế của từng bộ phận được rút kinh nghiệm trong các cuộc họp và thảo luận để có biện pháp khắc phục kịp thời. Hằng năm, công tác quản lý các hoạt động giáo dục của nhà trường đều được Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 7 đánh giá từ mức đạt yêu cầu trở lên. Tuy nhiên, so với kế hoạch giáo dục đã đề ra, kết quả thu được của việc bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 9 các bộ môn Toán, Tiếng Anh, Vật lý, Hóa học, Sinh học còn hạn chế, chủ yếu tập trung vào các môn là thế mạnh của trường như Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Công nghệ. Đối với việc quản lý dạy thêm, học thêm, Hiệu trưởng nhà trường thường xuyên tuyên truyền, quán triệt các văn bản theo quy định. Trường thực hiện tổ chức dạy học 2 buổi/ngày nên không có hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường [H1-1.8-05]; [H1-1.8-06]; [H1-1.8-07].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục nhà trường được triển khai đến các tổ, bộ phận để thực hiện và định kỳ có rà soát, đánh giá, điều chỉnh phù hợp với thực tế nhà trường.

Nhà trường xây dựng lực lượng giáo viên, nhân viên nòng cốt giúp Hiệu trưởng trong công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

So với kế hoạch hoạt động giáo dục chung, việc bồi dưỡng học sinh giỏi các bộ môn chưa trải đều ở tất cả các môn như Toán học, Ngoại ngữ, Vật lý, Hóa học, Sinh học; chủ yếu tập trung vào các môn là thế mạnh của trường như Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Công nghệ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, nhà trường sẽ tiếp tục phát huy những mặt làm được trong kế hoạch giáo dục đã đề ra. Đồng thời, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo Phó Hiệu trưởng yêu cầu các tổ chuyên môn, các bộ phận liên quan khắc phục những hạn chế, thiếu sót; định kỳ tổ chức thao giảng, chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học, có chế độ kiểm tra việc thực hiện kế hoạch

thông qua công tác kiểm tra nội bộ, giám sát các hoạt động để kịp thời điều chỉnh, đổi mới phương pháp dạy của giáo viên và học tập của học sinh.

Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng và các tổ trưởng có kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi khối 9 ở tất cả các bộ môn; đồng thời, đẩy mạnh việc bồi dưỡng học sinh các khối 6, 7, 8 tham gia đầy đủ các kỳ thi về học thuật, kỹ thuật do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh và Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 7 tổ chức.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý nhà trường phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn xây dựng quy chế thực hiện Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở theo luật số 10/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 10 tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 trong hoạt động trường học về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 05 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập. Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở của nhà trường được công khai và có sự đóng

góp của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong Hội nghị nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động hằng năm. Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở nêu rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng thành viên trong nhà trường, trách nhiệm và quyền lợi của người dạy và người học nên không có cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nào vi phạm Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở. Ban Thanh tra nhân dân theo dõi và có báo cáo về việc thực hiện Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trong nhà trường. Hằng năm, nhà trường tổ chức kiểm tra đánh giá việc thực hiện Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở và báo cáo về cấp trên theo đúng quy định [H1-1.9-01];

b) Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Trong những năm qua nhà trường không có cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm pháp luật. Có 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên tiếp thu, quán triệt các nghị quyết của Đảng, tham gia đầy đủ các lớp chính trị hè. Nhà trường chấp hành tốt sự quản lý hành chính của chính quyền địa phương, thực hiện nghiêm chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 7 và hoàn thành nhiệm vụ năm học theo khung thời gian của Sở Giáo dục và Đào tạo. Cuối mỗi năm học, nhà trường đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, việc cán bộ, giáo viên, nhân viên chấp hành chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đều có báo cáo về các cơ quan quản lý các cấp theo quy định. 05 năm qua, nhà trường không có đơn thư tố cáo, khiếu nại cần giải quyết [H1-1.9-02].

c) Nhà trường có báo cáo việc thực hiện theo Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định, cụ thể như: báo cáo định kỳ, đột xuất; báo cáo quý, báo cáo năm. Hằng năm, báo cáo tổng kết việc thực hiện theo Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở đều được thông qua trong Hội nghị viên chức và người lao động. Các kế hoạch, chỉ tiêu, các vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của giáo viên, nhân viên và học sinh được trao đổi, bàn bạc, thống nhất trong các buổi đối thoại tại đơn vị [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04]; [H1-1.9-05]; [H1-1.9-06].

Mức 2:

Nhà trường tạo điều kiện nhằm phát huy vai trò chỉ đạo của Ban Chấp hành Công đoàn đối với Ban Thanh tra nhân dân trong việc giám sát thực hiện Nghị

quyết Hội nghị viên chức và người lao động và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở tại đơn vị. Công tác giám sát được thực hiện thường xuyên: kiểm tra về thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, kế hoạch công tác của đơn vị, các khoản chi tiêu nội bộ, việc thực hiện nội quy cơ quan, việc thực hiện chính sách liên quan đến quyền lợi của cán bộ quản lý, viên chức và người lao động đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. Tuy nhiên, đôi lúc việc thực hiện các loại báo cáo còn chậm trễ [H1-1.9-04]; [H1-1.9-05]; [H1-1.9-06]; [H1-1.9-07].

Điểm mạnh

Trên cơ sở thực hiện Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trong các hoạt động của nhà trường hằng năm, thủ trưởng đơn vị thực hiện nghiêm túc việc triển khai và cụ thể hóa thành các hoạt động đến từng đối tượng trong nhà trường đảm bảo tính dân chủ xuyên suốt trong các hoạt động diễn ra tại đơn vị. Do thực hiện tốt Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở và cơ chế giám sát việc thực hiện nên trong 05 năm gần đây đơn vị không có đơn thư khiếu tố, khiếu nại. Các hoạt động của nhà trường được bàn bạc thông qua công khai dân chủ, minh bạch nên đã thúc đẩy chất lượng hoạt động của nhà trường từng bước phát triển.

2. Điểm yếu

Đôi lúc, nhà trường còn chậm trễ khi thực hiện các báo cáo về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng nhà trường tiếp tục phát huy và đảm bảo Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trong hoạt động giáo dục của nhà trường. Hiệu trưởng cùng Chủ tịch công đoàn sẽ tạo điều kiện tối đa để cán bộ, giáo viên và nhân viên phát huy dân chủ của mình trong các cuộc họp. Ngoài ra, Hiệu trưởng sẽ sắp xếp công việc khoa học hơn để báo cáo việc thực hiện Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở đúng tiến độ.

4. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có kế hoạch, phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống cháy nổ; phòng chống thảm họa thiên tai; phòng chống dịch bệnh; bạo lực học đường; ngăn chặn tệ nạn xã hội thâm nhập vào nhà trường. Nhà trường không tổ chức bếp ăn cho học sinh tại trường [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06].

b) Trong những năm học qua, việc đảm bảo trật tự an ninh xã hội trong nhà trường được thực hiện tốt, đảm bảo an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Nhà trường có hộp thư góp ý, có lịch tiếp dân và số điện

thoại của cán bộ quản lý nhà trường được công khai rộng rãi cho cha mẹ học sinh và giáo viên được biết. Nhà trường sẵn sàng tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh của người dân khi được cung cấp. Việc xử lý các thông tin phản ánh của người dân chủ yếu là các buổi trao đổi, làm việc với cha mẹ học sinh về các vấn đề giáo dục học sinh và về công tác tổ chức của nhà trường. Nhà trường đã làm tốt công tác phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh và địa phương nên việc tiếp nhận, xử lý thông tin diễn ra thuận lợi, kịp thời. Hằng năm, trường đều đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự theo Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công an quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” [H1-1.9-02]; [H1-1.10-01]; [H1-1.10-07].

c) Nhà trường thực hiện tốt việc giáo dục kỹ năng sống, bình đẳng giới, phòng chống bạo lực học đường trong và ngoài nhà trường. Các tiết hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, các buổi sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt chủ nhiệm hoặc qua các hoạt động ngoại khoá đều được nhà trường tích hợp nhắc nhở, tuyên truyền, thuyết phục nên không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-04]; [H1-1.10-06].

Mức 2:

a) Nhà trường đã phối hợp với Công an Quận 7, Hội Luật gia Quận 7, đội Phòng cháy chữa cháy Quận 7 và các đoàn thể của phường Bình Thuận để tổ chức các buổi tuyên truyền cho cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh về phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, về an toàn phòng chống cháy nổ; phòng chống bạo lực học đường; vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng chống thảm họa thiên tai; phòng chống dịch bệnh [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06].

b) Nhà trường đã tăng cường các biện pháp giáo dục học sinh ý thức giữ gìn an ninh trật tự trường học, phòng chống bạo lực học đường. Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, các bộ phận đoàn thể quan tâm theo dõi và giải quyết các vấn đề liên quan đến bạo lực học đường và xử lý theo thông tư đã quy định. Nhà trường phối hợp chặt chẽ với lực lượng bảo vệ khu phố, dân quân phường Bình

Thuận và Ban đại diện cha mẹ học sinh để tăng cường đảm bảo an ninh trật tự, ngăn ngừa các hành vi bạo lực xảy ra. Mặc dù đã thường xuyên kiểm tra, giám sát, theo dõi nhưng vẫn còn một số trường hợp học sinh vi phạm nội quy nhà trường, xảy ra một số mâu thuẫn nhỏ giữa các em học sinh. Tuy nhiên, nhà trường cũng đã phát hiện và xử lý kịp thời [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện nghiêm túc các nội dung công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn trong trường học.

Trong nhiều năm qua, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ, phòng chống tai nạn thương tích, an toàn vệ sinh thực phẩm và an toàn lao động.

3. Điểm yếu

Mặc dù đã thường xuyên kiểm tra, giám sát, theo dõi nhưng vẫn còn một số trường hợp học sinh vi phạm nội quy nhà trường, xảy ra một số mâu thuẫn nhỏ giữa các em học sinh. Tuy nhiên, nhà trường cũng đã phát hiện và xử lý kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng chỉ đạo các bộ phận và đoàn tổ chức các hình thức tuyên truyền đa dạng, hấp dẫn học sinh hơn.

Tiếp tục tăng cường đảm bảo an ninh trật tự trước cổng trường bằng các biện pháp: phối hợp với lực lượng bảo vệ khu phố, lực lượng dân quân của phường; phân công đoàn viên hỗ trợ điều phối xe vào giờ cao điểm học sinh ra về để tránh ùn tắc giao thông; phân công giám thị, bảo vệ quan sát trật tự trước cổng và trong sân trường; chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm và các tổ chức đoàn thể phải nắm bắt kịp thời những mâu thuẫn xảy ra giữa các em học sinh để ngăn chặn kịp thời.

Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo phát triển và phát huy phòng tham vấn tâm lý học đường để các chuyên gia tâm lý hỗ trợ học sinh về tâm lý, bạo lực, xâm hại nhằm cung cấp cho học sinh các kiến thức và các kỹ năng cần thiết để ứng phó với các tình huống căng thẳng.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Công tác tổ chức và quản lý của nhà trường thực hiện đúng theo Điều lệ trường trung học. Các bộ phận từ cán bộ quản lý đến các đoàn thể trong nhà trường đều hoạt động rất đồng bộ theo sự lãnh đạo của chi bộ. Các bộ phận trong quá trình hoạt động đều có sự liên kết, hỗ trợ lẫn nhau một cách tích cực. Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở được triển khai và thực hiện đúng quy định. Điều đó đã làm nên sức mạnh to lớn, tạo đà cho nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ năm học.

Điểm yếu cơ bản:

So với kế hoạch hoạt động giáo dục chung, kết quả học sinh đạt học sinh giỏi cấp Thành phố các bộ môn như Toán học, Ngoại ngữ, Vật lý, Hóa học, Sinh học còn hạn chế.

Số lượng các tiêu chí đạt, không đạt:

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu ở Mức 1, 10/10 tiêu chí; số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu ở Mức 1, 00/10 tiêu chí.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu ở Mức 2, 10/10 tiêu chí; số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu ở Mức 2, 00/10 tiêu chí.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu ở Mức 3, 04/05 tiêu chí; số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu ở Mức 3, 01/05 tiêu chí.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhà trường đã hội đủ mọi điều kiện và năng lực để triển khai tốt các hoạt động giáo dục. Cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ cử nhân sư phạm, có năng lực, tận tụy và hết lòng với công việc, có nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, giúp đỡ tận tình cho giáo viên khi gặp khó khăn. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhà trường đảm bảo yêu cầu quy định và đều được đào tạo chuyên môn phù hợp với công tác được giao.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hiền có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng. Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng của nhà trường đều có trình độ từ Đại học trở lên và có đủ các tiêu chuẩn theo quy định. Các Phó Hiệu trưởng có đủ năng lực đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công [H2-2.1-01].

b) Trong 05 năm qua Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng nhà trường được đánh giá đạt chuẩn trở lên theo quy định chuẩn Hiệu trưởng (Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông) [H2-2.1-02].

c) Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng lý luận chính trị trình độ trung cấp, có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin, chứng chỉ ngoại ngữ và hoàn thành khóa bồi dưỡng Hiệu trưởng trường trung học cơ sở. Tuy nhiên còn Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng chưa học nâng cao về nghiệp vụ quản lý giáo dục trình độ thạc sĩ [H2-2.1-01].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức khá trở lên theo quy định chuẩn Hiệu trưởng [H2-2.1-02].

b) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định. Cán bộ quản lý có năng lực quản lý trường học, thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, quản lý mọi hoạt động trong nhà trường theo đúng Điều lệ trường trung học, đúng chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, giữ được sự đoàn kết trong tập thể sư phạm, được giáo viên, nhân viên tín nhiệm về mặt chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức [H2-2.1-01]; [H2-2.1-03]; [H1-1.2-15].

Mức 3:

Trong 05 năm qua, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường đều được đánh giá đạt chuẩn ở mức tốt theo quy định chuẩn Hiệu trưởng theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông. Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng nhiều năm được công nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và viên chức được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ từ mức tốt trở lên [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03]; [H2-2.1-04].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý đảm bảo đủ về số lượng, cơ cấu, có phẩm chất chính trị tốt, có trình độ chuyên môn vững vàng, có năng lực quản lý giáo dục và được tập thể giáo viên, nhân viên tín nhiệm.

3. Điểm yếu

Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng chưa học nâng cao về nghiệp vụ quản lý giáo dục trình độ thạc sĩ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng tiếp tục tự học, tự rèn, tiếp thu ý kiến đóng góp của giáo viên để nâng cao hiệu quả cho công tác quản lý.

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng chủ động học hỏi kinh nghiệm trong công tác quản lý, đồng thời đăng ký tham gia học nâng cao về nghiệp vụ quản lý giáo dục trình độ thạc sĩ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;*
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỉ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*
- c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc hướng dẫn danh mục vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác. Cụ thể số lượng giáo viên các năm như sau:

Năm học	Số lượng giáo viên	Số lượng giáo viên/số lớp	Bình quân số giáo viên/lớp
2019 – 2020	63	63/35	1,80
2020 – 2021	68	68/38	1,79
2021 - 2022	71	71/40	1,78
2022 – 2023	72	72/42	1,71
2023 – 2024	76	76/45	1,69

b) Tính đến thời điểm tự đánh giá, đội ngũ giáo viên của trường đều có trình độ chuyên môn đạt chuẩn trở lên (còn 01 giáo viên chưa đạt chuẩn theo Luật Giáo dục 2019), trong đó:

- 6/76 giáo viên có trình độ thạc sĩ (7,89%)

- 75/76 (98,68%) có trình độ đại học và đạt chuẩn, trong đó có 02 giáo viên đang theo học cao học, 06 giáo viên có trình độ thạc sĩ (10,53%), hiện còn 01 giáo viên đang theo học lớp đại học liên thông [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02].

c) Qua kết quả tự đánh giá chuẩn giáo viên theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông thì 100% giáo viên của trường đều đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên [H2-2.2-03].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2019 – 2020 đến năm học 2023 – 2024, tỉ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp. Năm 2023 – 2024, trường có 02 giáo viên hiện đang theo học cao học chuyên ngành Toán học và Vật lí, về chính trị có 03 giáo viên đang học

lớp trung cấp chính trị; 01 giáo viên hiện đang theo học đại học chuyên ngành Lịch sử, có 08 giáo viên đã tốt nghiệp cao học [H2-2.2-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2019 – 2020 đến năm học 2023 – 2024, trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức khá trở lên [H2-2.2-03].

c) Giáo viên của trường có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh. Hằng năm, trường tổ chức cho giáo viên và học sinh tham gia hướng nghiệp với các trường trung cấp nghề, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên để định hướng phân luồng cho học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở. Số lượng học sinh tự nguyện học nghề sau tốt nghiệp chiếm từ khoảng 20% đến 30% trên tổng số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở của trường. Hằng năm giáo viên của trường đều có tham gia hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên của trường đã hướng dẫn học sinh nghiên cứu, làm mô hình tham gia các hội thi nghiên cứu khoa học nhưng số lượng không nhiều và hiệu quả chưa cao. Trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2019 – 2020 đến năm học 2023 – 2024, trường không có giáo viên nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-04]; [H2-2.2-05]; [H2-2.2-06]; [H2-2.2-07]; [H2-2.2-08]; [H2-2.2-09].

Mức 3:

a) Căn cứ vào quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có 80% đạt mức khá trở lên và trên 50% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức xuất sắc [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2019 – 2020 đến năm học 2023 – 2024, trường có 08 giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học: 01 đề tài chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học, 01 đề tài chuyên ngành Văn học, 02 đề tài chuyên ngành Toán học, 02 đề tài chuyên ngành Quản lý giáo dục, 01 đề tài chuyên

ngành Sinh học, 01 đề tài chuyên ngành Giáo dục học để bảo vệ luận văn thạc sĩ [H2-2.2-10].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý nhà trường luôn tạo điều kiện để giáo viên luôn được bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ, tỉ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn cao.

3. Điểm yếu

Số lượng giáo viên hướng dẫn học sinh tham gia hội thi nghiên cứu khoa học và làm mô hình khoa học kỹ thuật cấp quận và cấp thành phố không nhiều và kết quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng nhà trường tiếp tục tạo điều kiện để giáo viên luôn được bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ, chỉ đạo Phó Hiệu trưởng chuyên môn, tổ trưởng chuyên môn và các bộ phận liên quan đẩy mạnh việc hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học và làm mô hình khoa học kỹ thuật tham gia các hội thi cấp quận và thành phố.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công;*
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 04 nhân viên là viên chức gồm: 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên văn thư kiêm thủ quỹ, 01 nhân viên thư viện, 01 nhân viên y tế học đường và 11 nhân viên hợp đồng gồm 01 nhân viên học vụ, 03 nhân viên làm công tác quản sinh, 03 nhân viên bảo vệ, 04 nhân viên phục vụ. Bên cạnh đó, Hiệu trưởng còn phân công giáo viên kiêm nhiệm công tác công nghệ thông tin, tư vấn tâm lý và hỗ trợ học sinh khuyết tật học hòa nhập; phụ trách phòng thiết bị, thực hành thí nghiệm và các phòng bộ môn. Do đó, nhà trường đảm bảo được nhân sự để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập cũng như các công việc phát sinh do Hiệu trưởng phân công. Nhân viên chuyên trách phòng thiết bị – thực hành thí nghiệm, tư vấn tâm lý – hỗ trợ học sinh học hòa nhập và công nghệ thông tin là do giáo viên kiêm nhiệm nên các thầy cô thường tập trung nhiều thời gian hơn cho công tác chuyên môn. Vì vậy, đôi lúc tiến độ báo cáo công tác kiêm nhiệm còn chậm trễ [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02].

b) Hiệu trưởng phân công công việc cho nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người [H1-1.4-03]; [H1-1.7-03]; [H2-2.3-02].

c) Cuối mỗi năm học, Hiệu trưởng nhận xét, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của mỗi cá nhân, các nhân viên đều thực hiện tốt nhiệm vụ được giao [H1-1.2-10]; [H2-2.2-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên đáp ứng các nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và

vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02].

b) Nhân viên nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Trong các năm học, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật [H1-1.2-10]; [H1-1.4-12].

Mức 3:

a) Nhân viên kế toán, văn thư, thư viện đều có trình độ Đại học. Nhân viên y tế tốt nghiệp trung cấp y sĩ. Các vị trí việc làm: nhân viên công nghệ thông tin, nhân viên tư vấn tâm lý và hỗ trợ học sinh khuyết tật học hòa nhập, nhân viên phụ trách phòng thiết bị, thực hành thí nghiệm đều được nhà trường phân công giáo viên có chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực được phân công phụ trách [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02].

b) Hằng năm, nhân viên kế toán, y tế, văn thư của nhà trường được tạo điều kiện tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ khi có yêu cầu [H2-2.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhân viên nhà trường đảm bảo công tác, có tinh thần trách nhiệm, luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Nhân viên chuyên trách phòng thiết bị – thực hành thí nghiệm, tư vấn tâm lý – hỗ trợ học sinh học hòa nhập và công nghệ thông tin là do giáo viên kiêm nhiệm nên các thầy cô thường tập trung nhiều thời gian hơn cho công tác chuyên môn. Vì vậy, đôi lúc tiến độ báo cáo công tác kiêm nhiệm còn chậm trễ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục tạo điều kiện để đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt công tác được giao, đồng thời xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức phụ trách công tác tư vấn tâm lý – hỗ trợ học sinh học hòa nhập, viên chức phụ trách công tác công nghệ thông tin và công tác thiết bị – thực hành thí nghiệm để chuẩn hóa đội ngũ nhân viên nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Học sinh đảm bảo quy định về độ tuổi theo quy định của Điều lệ trường trung học, không có học sinh đi học trước tuổi [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

b) Học sinh của nhà trường thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường. Học sinh biết kính trọng cha mẹ, thầy cô giáo, cán bộ, nhân viên của nhà trường và những người lớn tuổi; đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập, thực hiện nội quy nhà trường và chấp hành pháp luật của nhà nước. Học sinh biết rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân. Học sinh được tham gia các hoạt động tập thể của nhà trường, của lớp, của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; tham gia các công tác xã hội như bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông. Học sinh có ý thức giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; xây dựng và phát huy truyền thống nhà trường [H2-2.4-01].

c) Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định tại Chương V Điều 35 của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật; tham gia các hoạt động về thể thao, văn hóa văn nghệ, giáo dục kỹ năng sống, được hỗ trợ chi phí học tập, được chăm sóc sức khỏe hằng năm [H2-2.4-02]; [H2-2.4-03]; [H2-

2.4-04].

Mức 2:

Nhà trường chú trọng quan tâm trong công tác giáo dục đạo đức và rèn luyện hạnh kiểm. Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, nhà trường áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và học sinh có chuyển biến tích cực [H2-2.4-05]; [H2-2.4-06].

Mức 3:

Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu và tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp được nhà trường quan tâm. Trong từng năm học nhà trường đã duy trì và nâng dần số học sinh đạt học sinh giỏi các cấp, tỉ lệ học sinh xếp loại khá giỏi tăng, tỉ lệ học sinh xếp loại yếu kém, chưa đạt giảm, các hoạt động ngoài giờ lên lớp thu hút được nhiều học sinh tham gia. Điều đó có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường. Nhìn chung, phần lớn học sinh của trường có sự chuyển biến trong ý thức học tập, chấp hành các quy định và giao tiếp có văn hóa hơn. Tỉ lệ học sinh xếp loại rèn luyện, hạnh kiểm khá, tốt tăng dần qua các năm. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít học sinh chưa hoàn thành nhiệm vụ học tập và chưa có ý thức tự học do ảnh hưởng của hoàn cảnh gia đình và môi trường sống [H2-2.4-05]; [H2-2.4-06].

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ học sinh khá, giỏi từng bước được nâng lên; tỉ lệ học sinh yếu kém, chưa đạt giảm đã có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường. Học sinh dần có ý thức thực hiện tốt nhiệm vụ học tập, chấp hành các quy định và giao tiếp có văn hóa hơn.

3. Điểm yếu

Một số ít học sinh do hoàn cảnh gia đình và ảnh hưởng của môi trường sống nên chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ học tập.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm tìm hiểu kỹ các trường hợp học sinh có hoàn cảnh khó khăn, bị ảnh hưởng môi trường sống để nhà trường có giải pháp giúp đỡ kịp thời.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong nhà trường có trình độ chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đảm bảo về trình độ chuyên môn và năng lực quản lý. Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn vững vàng, kinh nghiệm giảng dạy phong phú.

Điểm yếu cơ bản:

Địa bàn trường thuộc khu lao động, cha mẹ học sinh lo mưu sinh nên ít quan tâm đến con em vì vậy còn một số học sinh chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ học tập, chưa ngoan.

Số lượng các tiêu chí đạt, không đạt:

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu ở Mức 1, 04/04 tiêu chí; số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu ở Mức 1, 00/04 tiêu chí.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu ở Mức 2, 04/04 tiêu chí; số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu ở Mức 2, 00/04 tiêu chí.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu ở Mức 3, 03/04 tiêu chí; số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu ở Mức 3, 01/04 tiêu chí.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Cơ sở vật chất của nhà trường bao gồm khuôn viên, sân chơi, bãi tập, khu vệ sinh, nhà để xe, hệ thống nước sạch và các phòng học, phòng chức năng đảm bảo yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) *Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*

b) *Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;*

c) *Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.*

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6 m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10 m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có diện tích khuôn viên riêng biệt, có cây xanh, bóng mát, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. Tổng diện tích khuôn viên nhà trường là 12 983,3 m² [H3-3.1-01].

b) Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường gồm 01 cổng chính, biển tên trường được đặt ở vị trí phù hợp kiên cố, xung quanh trường có hệ thống tường rào bảo vệ đảm bảo an toàn, tạo điều kiện tốt cho việc dạy và học của giáo viên, học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3-3.1-02].

c) Khu sân chơi, bãi tập của nhà trường có sân trước, sân sau và 02 sân bóng đá có thiết bị phục vụ học tập thể dục thể thao của học sinh cùng các hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-3.1-03].

Mức 2:

Nhà trường có khu sân chơi, bãi tập rộng rãi có diện tích 4 020 m² đáp ứng được các yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Tuy nhiên, số lượng thiết bị tập luyện thể dục thể thao còn hạn chế chưa đáp ứng đủ nhu cầu luyện tập của học sinh [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

Mức 3:

Diện tích sử dụng đất của nhà trường: 12 983,3 m², tổng số học sinh 1884 (theo số liệu năm học 2023 – 2024) trong đó diện tích bình quân trên học sinh: 6,89 m²/học sinh, diện tích sân chơi, bãi tập: 4 020 m² (chiếm tỉ lệ 30,96% tổng diện tích sử dụng) [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

2. Điểm mạnh

Trường có khuôn viên tường bao cố định, đảm bảo an toàn, cảnh quan, môi trường sư phạm sạch đẹp. Diện tích mặt bằng rộng rãi, thoáng mát, thuận lợi cho các hoạt động giáo dục; có diện tích mặt bằng bình quân 6,89 m²/học sinh.

3. Điểm yếu

Các thiết bị tập luyện thể dục thể thao còn hạn chế về số lượng, chưa đáp ứng đủ nhu cầu luyện tập của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục coi trọng và tổ chức thường xuyên việc rèn luyện ý thức tự giác bảo vệ môi trường xanh – sạch – đẹp – an toàn; đồng thời tham mưu với Ủy ban nhân dân và Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 7 để có nguồn kinh phí, bổ sung thêm trang thiết bị luyện tập thể dục thể thao trong nhà trường nhằm phục vụ cho việc vui chơi và học tập của học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tâm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 45 phòng học cho 45 lớp học 2 buổi/ngày. Phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, có đủ đèn, quạt, có bàn ghế phù hợp với học sinh trung học cơ sở, có đủ bàn ghế cho giáo viên, bảng từ, bảng tin trong mỗi phòng học, có biển tên lớp trước mỗi phòng học, mỗi phòng học được trang trí ảnh Bác Hồ, khẩu hiệu. Tuy nhiên, một số bàn ghế học sinh đã cũ nên hư hỏng nhiều [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

b) Trường có các phòng bộ môn của các bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Ngoại ngữ, Tin học và phòng đa chức năng. Các phòng có biển tên, nội quy sử dụng các phòng bộ môn đúng quy định [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03]; [H3-3.2-04].

c) Nhà trường có phòng hoạt động Đoàn – Đội, thư viện và phòng truyền thống được bố trí ngăn nắp, sạch sẽ và đầy đủ đèn, quạt và trang thiết bị [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03]; [H3-3.2-04].

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn của nhà trường được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định và bố trí thuận lợi, riêng biệt, đảm bảo cho học tập thí nghiệm, thực hành. Trường có bố trí phòng tham vấn tâm lý học đường, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H3-3.1-02]; [H3-3.2-03].

b) Trường có khối phòng phục vụ cho học tập và giảng dạy đầy đủ theo quy định đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

Mức 3:

Trường có đầy đủ các phòng học, phòng học bộ môn của các bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Ngoại ngữ, Tin học và phòng Đa chức năng được trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Bên cạnh đó, trường đã phối hợp với công ty KDI tổ chức 01 phòng học STEM cho học sinh. Tuy nhiên, phòng Âm nhạc của trường chưa trang bị đa dạng các loại nhạc cụ [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

Trường có bố trí 01 phòng hỗ trợ cho công tác dạy cho học sinh khuyết tật học hòa nhập nhưng chưa có nhiều trang thiết bị cần thiết.

2. Điểm mạnh

Trường có đủ phòng học để dạy học 2 buổi/ngày, có đủ các phòng bộ môn. Các phòng học, phòng bộ môn đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, có đủ bàn ghế phù hợp với các đối tượng học sinh.

3. Điểm yếu

Phòng Âm nhạc và phòng hỗ trợ học sinh học hòa nhập chưa có nhiều dụng cụ, trang thiết bị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục duy trì số lượng phòng học, phòng học bộ môn đúng quy định, đề xuất cấp trên bổ sung kinh phí trang bị thêm nhạc cụ phòng Âm nhạc và trang thiết bị cho phòng hỗ trợ học sinh học hòa nhập, bổ sung kinh phí sửa chữa bàn ghế hư hỏng và kinh phí mua sắm bàn ghế mới.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính – quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hiền có khối phòng hành chính – quản trị đáp ứng yêu cầu tối thiểu cho các hoạt động hành chính – quản trị của nhà trường. Khối phòng hành chính – quản trị của trường gồm có: 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng Công đoàn, 01 phòng văn thư – học vụ, 01 phòng tài vụ, 02 phòng bảo vệ, 01 phòng y tế, 02 phòng nghỉ của giáo viên và 01 kho lưu trữ [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

b) Nhà trường có khu vực để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh được bố trí riêng biệt, đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.2-02]; [H3-3.3-01].

c) Hằng năm, trường thường xuyên kiểm tra định kỳ sửa chữa và bổ sung đầy đủ các thiết bị khối hành chính – quản trị [H3-3.3-02].

Mức 2:

Trường có khối phòng hành chính – quản trị đảm bảo quy định như phòng Hiệu trưởng, phòng Phó Hiệu trưởng, phòng Công đoàn, phòng văn thư – học vụ, phòng tài vụ, phòng bảo vệ, phòng họp giáo viên, phòng y tế, phòng nghỉ của giáo viên và kho lưu trữ. Tất cả các phòng đều có bàn ghế, kệ, tủ, trang thiết bị đầy đủ, phù hợp với công năng sử dụng. Phòng nghỉ giáo viên được bố trí hợp lí, đảm bảo ánh sáng, vệ sinh và an toàn cho giáo viên, nhân viên của trường [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03]; [H3-3.2-04].

Mức 3:

Khối hành chính – quản trị của nhà trường được trang bị đầy đủ các thiết bị thiết yếu như máy tính, máy in, bàn ghế làm việc, đèn, quạt, tủ đựng hồ sơ, được sắp xếp ngăn nắp, khoa học và hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động giáo dục của nhà trường. Tuy trường thường xuyên kiểm tra định kỳ sửa chữa và bổ sung đầy đủ các thiết bị khối hành chính - quản trị nhưng vẫn còn một vài máy tính, máy in đã sử dụng khá lâu nên thường xuyên hư hỏng phần nào ảnh hưởng đến tiến độ công việc [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03]; [H3-3.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các phòng theo quy định. Tất cả các phòng khối hành chính – quản trị đều có bàn ghế, kệ, tủ, trang thiết bị đầy đủ, phù hợp với công

năng sử dụng, được sắp xếp ngăn nắp, khoa học và hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Chưa thay mới được một vài trang thiết bị của khu hành chính đã sử dụng lâu, thường xuyên hư hỏng nên phần nào ảnh hưởng đến tiến độ công việc.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng sẽ thường xuyên rà soát, đề xuất sửa chữa và bổ sung thêm trang thiết bị cho khối hành chính – quản trị.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tại các khối phòng học và phòng chức năng có nhà vệ sinh riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, nam và nữ riêng biệt, an toàn, thuận tiện, sạch sẽ, có hệ thống thoát nước, không làm ô nhiễm môi trường trong và ngoài nhà trường. Khu vệ sinh của học sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H3-3.3-01].

b) Trường có đủ nước sạch, không ô nhiễm môi trường, có hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước cho tất cả các khu vực và đảm bảo vệ sinh môi trường, đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.4-01]; [H3-3.4-03].

c) Nhà trường trang bị thùng chứa rác theo khu vực, thường xuyên quét dọn vệ sinh làm sạch đẹp trường lớp và ký hợp đồng với Công ty Dịch vụ Công ích Quận 7 thu gom rác thải đảm bảo vệ sinh sạch sẽ trường lớp [H3-3.4-01]; [H3-3.4-02].

Mức 2:

a) Khu vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh được bố trí hợp lý theo từng khu làm việc và học tập, vị trí phù hợp với cảnh quan trường học. Toàn trường có 22 nhà vệ sinh (09 nhà vệ sinh học sinh nữ, 09 nhà vệ sinh học sinh nam, 02 nhà vệ sinh giáo viên nam, 02 nhà vệ sinh giáo viên nữ) nhà vệ sinh đủ cho toàn bộ giáo viên, nhân viên và học sinh sử dụng. Tuy nhiên, trang thiết bị nhà vệ sinh chưa hiện đại, cần nâng cấp thêm để tăng hiệu quả sử dụng [H3-3.2-02].

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải của nhà trường đáp ứng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế. Hệ thống cung cấp nước sạch đáp ứng quy định tại Khoản 1 và 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải của nhà trường đáp ứng theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Trường có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp; có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà vệ sinh; trường có hợp đồng với Công ty Dịch vụ Công ích Quận 7 đủ điều kiện thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt. Rác thải được bố trí tập trung tại một khu vực riêng, có mái che, bố trí đủ thùng rác phân loại có nắp đậy chứa đựng rác tạm thời [H3-3.4-02]; [H3-3.4-04].

2. Điểm mạnh

Nguồn nước sạch thường xuyên đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, nước uống đạt tiêu chuẩn, hệ thống thoát nước, thu gom rác thải đảm bảo yêu cầu vệ sinh không ô nhiễm môi trường.

3. Điểm yếu

Trang thiết bị nhà vệ sinh chưa hiện đại, cần nâng cấp thêm để tăng hiệu quả sử dụng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng sẽ tiếp tục duy trì sử dụng nguồn nước sạch và từng bước nâng cấp trang thiết bị vệ sinh để đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Hiệu trưởng tiếp tục ký kết hợp đồng thu gom rác với Công ty Dịch vụ Công ích Quận 7 thu gom rác thải đảm bảo vệ sinh sạch sẽ trường lớp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường trang bị đủ các thiết bị văn phòng và các thiết bị khác (máy vi tính, laptop, máy in, máy photocopy, máy chiếu, bảng thông minh) phục vụ công tác quản lý và giảng dạy, tất cả các máy tính văn phòng và phòng Tin học đều có kết nối internet đáp ứng được yêu cầu dạy học, quản lý nhà trường phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.4-11]; [H1-1.6-02]; [H3-3.5-02].

b) Nhà trường có đầy đủ thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu so với danh mục thiết bị, đồ dùng dạy học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, trường có phòng chuẩn bị thiết bị, đồ dùng dạy học, thực hành thí nghiệm [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03]; [H3-3.2-04].

c) Công tác kiểm kê, sửa chữa, bổ sung thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học được nhà trường thực hiện định kỳ vào cuối năm, nhà trường thanh lý và mua bổ sung kịp thời các thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học để đảm bảo công tác giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh [H3-3.5-01]; [H3-3.5-03].

Mức 2:

a) Nhà trường có hệ thống máy tính được kết nối internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học tại phòng Tin học và một số phòng chức năng [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02].

b) Nhà trường trang bị đủ thiết bị tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập từ khối 6 đến khối 9 [H3-3.2-03]; [H3-3.2-04]; [H3-3.5-03].

c) Mỗi năm học, nhà trường căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học đã bổ sung thêm các thiết bị dạy học phục vụ công tác giảng dạy và hoạt động giáo dục. Ở một số lớp học đã có trang bị thêm máy chiếu, loa, micro để phục vụ công tác giảng dạy. Ngoài ra, giáo viên còn tự làm đồ dùng dạy học để phục vụ cho giảng dạy (vẽ tranh ảnh, scan, in ấn) [H3-3.5-01]; [H3-3.5-03].

Mức 3:

Để đảm bảo chất lượng giảng dạy bộ môn, giáo viên thường xuyên sử dụng thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm, ứng dụng công nghệ thông tin vào việc giảng dạy trên lớp, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Tuy nhiên, số lượng đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên chưa nhiều [H3-3.5-03].

2. Điểm mạnh

Trang thiết bị, đồ dùng dạy học được trang bị đầy đủ, đáp ứng được yêu cầu dạy và học trong nhà trường.

Giáo viên lên lớp đảm bảo sử dụng đồ dùng dạy học và thực hiện đầy đủ các tiết thực hành, thí nghiệm.

3. Điểm yếu

Số lượng đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên chưa được nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng sẽ tiếp tục kiểm tra việc sử dụng, bảo quản thiết bị, đồ dùng dạy học để có kế hoạch đầu tư, trang bị thêm các thiết bị, đồ dùng dạy học mới nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giảng dạy của nhà trường. Ngoài ra, trường sẽ có kế hoạch đẩy mạnh việc tự làm đồ dùng dạy học, tiến tới tổ chức hội thi làm đồ dùng dạy học dành cho giáo viên nhằm khuyến khích giáo viên sáng tạo và sử dụng có hiệu quả đồ dùng dạy học nhiều hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thư viện trường có phòng đọc riêng, phòng chứa sách riêng; được trang bị đầy đủ sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa cùng với các xuất bản phẩm tham khảo đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập, giảng dạy của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.6-01].

b) Việc quản lý và tổ chức phục vụ của thư viện đáp ứng yêu cầu của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. Thư viện có đầy đủ các loại sổ sách, nội quy thư viện, sổ theo dõi đọc, mượn, trả sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, lịch hoạt động thư viện, biên bản tự đánh giá, kiểm tra về công tác thư viện. Thư viện tổ chức các hoạt động giới thiệu sách hằng tháng, ngày hội đọc sách; phối hợp với Tổng phụ trách Đội, giáo viên Mỹ thuật, giáo viên Ngữ văn để tổ chức các hội thi như: Lớn lên cùng sách, kể chuyện Bác Hồ, thi vẽ tranh từ sách, làm scrapbook. Ngoài ra, nhân viên thư viện còn phối hợp các giáo viên bộ môn thực hiện các tiết đọc sách tại thư viện. Thư viện đã làm tốt việc hình thành và khuyến khích thói quen đọc sách của học sinh [H3-3.6-01]; [H3-3.6-02]; [H3-3.6-03].

c) Sau khi kết thúc học kỳ và năm học, thư viện tiến hành kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo theo quy định về tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông [H3-3.6-02]; [H3-3.6-03].

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, thư viện nhà trường đã được công nhận đạt tiêu chuẩn thư viện tiên tiến và thư viện xuất sắc [H3-3.6-04]; [H3-3.6-05].

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt tiêu chuẩn thư viện trường học xuất sắc theo quy định tại Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông. Máy tính của thư viện được kết nối internet đáp ứng trong công tác quản lý, hoạt động thư viện và nhu cầu nghiên cứu hoạt động dạy học trong nhà trường. Tuy nhiên, thư viện chưa tổ chức được nhiều hoạt động phong phú để thúc đẩy văn hóa đọc trong giáo viên [H3-3.5-01]; [H3-3.6-04]; [H3-3.6-05]; [H3-3.6-06].

2. Điểm mạnh

Thư viện trường đạt tiêu chuẩn thư viện xuất sắc theo quy chế hoạt động thư viện. Kịp thời cung cấp sách giáo khoa, tủ sách pháp luật, sách tham khảo cho giáo viên và học sinh; phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập. Thư viện đã làm tốt việc hình thành và khuyến khích thói quen đọc sách của học sinh.

3. Điểm yếu

Thư viện chưa tổ chức được nhiều hoạt động phong phú cho giáo viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục đầu tư thêm kinh phí để bổ sung thêm nguồn sách báo, tạp chí, tài liệu tham khảo và chỉ đạo tổ chức nhiều cuộc thi hội thi có liên quan đến sách, tài liệu tra cứu để làm phong phú hơn các hoạt động tại thư viện nhằm phát triển văn hóa đọc cho giáo viên và học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Công tác quản lý cơ sở vật chất của nhà trường được thực hiện đúng quy định, nhà trường đảm bảo đủ yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về diện tích, phòng học, các phòng chức năng, sân chơi, khu vệ sinh. Hoạt động thư viện, thiết bị đáp ứng nhu cầu quản lý, giảng dạy và học tập trong nhà trường.

Điểm yếu cơ bản:

Đồ dùng dạy học tự làm hằng năm của giáo viên còn hạn chế.

Thư viện chưa tổ chức được nhiều hoạt động phong phú cho giáo viên.

Số lượng các tiêu chí đạt, không đạt:

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu ở Mức 1, 06/06 tiêu chí; số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu ở Mức 1, 00/06 tiêu chí.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu ở Mức 2, 06/06 tiêu chí; số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu ở Mức 2, 00/06 tiêu chí.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu ở Mức 3, 05/05 tiêu chí; số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu ở Mức 3, 00/05 tiêu chí.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Việc phối hợp giữa nhà trường với chính quyền, các tổ chức đoàn thể địa phương và Ban đại diện cha mẹ học sinh đã và đang được phát huy hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường, nhất là trong công tác vận động xã hội hóa hỗ trợ phục vụ dạy học. Đó là những yếu tố quan trọng góp phần vào thành tích chung của nhà trường trong những năm qua.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011. Ban đại diện trường gồm 15 thành viên do Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp cử ra. Ban đại diện cha mẹ học sinh được tổ chức và xây dựng nghị quyết hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh trường có kế hoạch hoạt động theo từng năm học, góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục học sinh, hỗ trợ tích cực cho hoạt động dạy và học của trường [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ. Ban đại diện cha mẹ học sinh họp theo định kỳ mỗi năm 3 lần và họp đột xuất với nhà trường. Ban đại diện cha mẹ học sinh góp ý cho Hiệu trưởng về công tác quản lý, công tác giảng dạy của nhà trường, thống nhất các biện pháp phối hợp giáo dục học sinh, giúp lãnh đạo nhà trường giải quyết những kiến nghị của cha mẹ học sinh và đóng góp hỗ trợ tích cực cho nhà trường về cơ sở vật chất phục vụ cho công tác dạy và học [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

Mức 2:

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động theo năm học và nghị quyết đã được xây dựng phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường trong mỗi năm học, Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục. Trong các cuộc họp cha mẹ học sinh định kỳ, nhà trường cùng Ban đại diện cha mẹ học sinh hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh, huy động học sinh đến trường, hỗ trợ vận động học sinh khó khăn có nguy cơ bỏ học trở lại lớp. Tuy nhiên, một bộ phận cha mẹ học sinh chưa quan tâm phối hợp cùng nhà trường trong công tác giáo dục, chăm sóc con em [H4-4.1-01]; [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04]; [H4-4.1-05].

Mức 3:

Nhà trường có ban hành Quy chế phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh. Cha mẹ học sinh phối hợp tốt với nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch năm

học, trách nhiệm của các bậc cha mẹ học sinh, quan tâm đến việc học tập và rèn luyện của học sinh [H4-4.1-01]; [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04]; [H4-4.1-05]; [H4-4.1-06].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình, phối hợp tốt với nhà trường trong việc vận động để chăm lo cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, khen thưởng học sinh giỏi, học sinh đạt thành tích cao trong phong trào, đồng thời góp phần động viên, khích lệ học sinh học tập tốt.

3. Điểm yếu

Do sinh kế nên một số cha mẹ học sinh chưa quan tâm phối hợp với nhà trường trong việc quản lý, giáo dục dẫn đến tình trạng học sinh phải nghỉ học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, Ban đại diện cha mẹ học sinh tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm thường xuyên phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh trong công tác giáo dục, quản lý con em mình nhằm hạn chế tối đa học sinh bỏ học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp để phát triển nhà trường. Cụ thể nhà trường đã trình Ủy ban nhân dân Quận 7 phê duyệt sửa chữa cơ sở vật chất nhằm phục vụ công tác dạy và học của đơn vị, đề nghị Hội Khuyến học phường Bình Thuận hỗ trợ công tác vận động học sinh bỏ học trở lại lớp, đề xuất Ban chỉ huy Quân sự phường và Công an khu vực hỗ trợ đảm bảo an ninh, trật tự trước cổng trường [H1-1.10-01]; [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02].

b) Nhà trường đã tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều phương tiện và hình thức khác nhau như đăng tải trên cổng thông tin, niêm yết bảng thông báo, thực hiện các chuyên đề trong giờ sinh hoạt dưới cờ, phổ biến trực tiếp trong các buổi họp. Trường đã phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ và Công an Quận 7 tuyên truyền Luật Giao thông và tặng mũ bảo hiểm cho học sinh; phối hợp với đoàn phường thực hiện công trình thanh niên: tặng tủ sách cho trẻ em Khu phố 2; hỗ trợ Ủy ban nhân dân và Hội Khuyến học phường Bình Thuận thi diễn tiểu phẩm

trong các hội thi; phối hợp với địa phương tổ chức sinh hoạt hè cho thiếu nhi trong địa bàn [H4-4.2-06].

c) Trong các chương trình tổ chức hoạt động giáo dục, nhà trường luôn nhận được sự ủng hộ của các đơn vị, đoàn thể, mạnh thường quân về vật chất lẫn tinh thần như hỗ trợ tổ chức hoạt động ngoại khóa, khen thưởng học sinh, tặng quà tết và tặng thẻ bảo hiểm y tế cho học sinh nghèo, có hoàn cảnh khó khăn. Nhà trường đã huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định [H4-4.2-03]; [H4-4.2-04]; [H4-4.2-05]; [H4-4.2-06].

Mức 2:

a) Nhà trường nghiêm túc triển khai và thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy Đảng, chấp hành sự quản lý hành chính của chính quyền địa phương, đồng thời tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển, kế hoạch năm học của đơn vị [H4-4.2-02].

b) Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân, Chi Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Khuyến học, Hội Cựu chiến binh, Công an phường Bình Thuận, Công an Quận 7 để tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, pháp luật, thể dục thể thao, tuyên truyền, sinh hoạt truyền thống, vệ sinh phòng bệnh, tuyên truyền giáo dục về giới tính, giáo dục pháp luật, đảm bảo an ninh trật tự nhà trường, trong năm học và trong thời gian học sinh sinh hoạt hè. Chi đoàn và Liên đội thường xuyên tổ chức một số hoạt động có ý nghĩa giáo dục khác như: viếng Nghĩa trang liệt sĩ Nhà Bè, viếng Nhà tưởng niệm Bác Hồ, tổ chức cho học sinh thăm viếng di tích lịch sử Gò Ô Môi, Văn miếu Trấn Biên, Ấp Bắc và tích cực tham gia Hội thi trực tuyến “Học sinh với Pháp luật”, tìm hiểu lịch sử ngày thành lập Đảng [H4-4.2-02]; [H4-4.2-06].

Mức 3:

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các ban ngành đoàn thể địa phương nhằm xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Nhà trường thường xuyên phối hợp với các tổ chức, các đoàn thể của phường Bình Thuận và Quận 7

để thực hiện tuyên truyền, tổ chức các buổi sinh hoạt chủ điểm của địa phương. Trường cũng là một trong những điểm sinh hoạt hè hằng năm do đoàn phường Bình Thuận tổ chức cho thanh thiếu niên trên địa bàn. Từ năm học 2019 - 2020 đến nay, nhà trường phối hợp với Bảo tàng Lịch sử và Bảo tàng Hồ Chí Minh triển lãm lịch sử bằng hình ảnh. Đặc biệt, để xây dựng nhà trường thành một đơn vị văn hóa tiêu biểu tại địa phương, nhà trường đã tổ chức các hoạt động thúc đẩy sự phát triển văn hóa đọc tại đơn vị. Nhà trường đã mạnh dạn đưa tiết đọc sách vào thời khóa biểu buổi 2 của môn Ngữ văn; nhân viên Thư viện phối hợp với giáo viên tổ Ngữ văn, tổ Nghệ thuật, Ban chấp hành Chi đoàn, Ban Chỉ huy Liên đội để tổ chức các hoạt động ngoại khóa liên quan đến sách như: vẽ tranh, viết bài cảm nhận, dạy học theo dự án “Em tập làm phóng viên”. Năm 2020, trường có 01 giải Khuyến khích Hội thi Đại sứ Văn hóa đọc do Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức, năm 2023 trường có 01 học sinh đạt giải Khuyến khích Hội thi Đại sứ Văn hóa đọc, năm 2024 trường có 01 học sinh đạt giải Khuyến khích Hội thi Đại sứ Văn hóa đọc do Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức. Trong năm 2024, trường có 01 học sinh đạt giải trong hội thi “Bác Hồ trong trái tim tôi” do Thư viện Khoa học tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, trường Đại học Nguyễn Tất Thành tổ chức [H2-2.4-03]; [H4-4.2-02]; [H4-4.2-06] [H4-4.2-07].

Hằng năm, trường đều đạt tiêu chuẩn “Trường học có đời sống văn hóa tốt” [H4-4.2-07]. Công tác tham mưu, phối hợp giữa nhà trường với địa phương, gia đình học sinh có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, do đối tượng học sinh của trường đa số từ các tỉnh xa đến tạm trú tại Quận 7, một số gia đình học sinh còn khó khăn trong mưu sinh; điều này đã tác động, ảnh hưởng đến công tác phổ cập giáo dục của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền và các tổ chức đoàn thể địa phương trong việc xây dựng và phát triển nhà trường. Hằng năm, trường đều đạt tiêu chuẩn “Trường học có đời sống văn hóa tốt”.

Nhà trường đã phối hợp hiệu quả với các tổ chức ban ngành, đoàn thể của địa phương trong việc giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc và tuyên truyền pháp luật cho học sinh.

3. Điểm yếu

Tuy nhiên, do đối tượng học sinh của trường đa số từ các tỉnh xa đến tạm trú tại Quận 7, một số gia đình học sinh còn khó khăn trong mưu sinh; điều này đã tác động, ảnh hưởng đến công tác phổ cập giáo dục của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 – 2025 và các năm học tiếp theo, trường sẽ tiếp tục phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân tại địa phương nhằm duy trì việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh cho học sinh. Hiệu trưởng, giáo viên chủ nhiệm tiếp tục tích cực phối hợp Ban đại diện cha mẹ học sinh và chính quyền, đoàn thể địa phương huy động tối đa các nguồn lực để chăm lo cho nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn của trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhiều năm qua toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường luôn tích cực tạo mối liên kết với các tổ chức, đoàn thể, Ban đại diện cha mẹ học sinh, các mạnh thường quân nhằm tạo sự phối hợp hài hòa giữa ba môi trường giáo dục: nhà trường, gia đình và xã hội.

Điểm yếu cơ bản:

Trường chưa đảm bảo được tỉ lệ 100% duy trì sĩ số dù đã phối hợp với ban ngành đoàn thể ở địa phương, cha mẹ học sinh trong công tác vận động.

Số lượng các tiêu chí đạt, không đạt:

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu ở Mức 1, 02/02 tiêu chí; số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu ở Mức 1, 00/02 tiêu chí.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu ở Mức 2, 02/02 tiêu chí; số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu ở Mức 2, 00/02 tiêu chí.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu ở Mức 3, 01/02 tiêu chí; số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu ở Mức 3, 01/02 tiêu chí.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Việc thực hiện các chương trình giáo dục và các hoạt động giáo dục được thông qua trong Hội nghị cán bộ công chức đầu mỗi năm học. Nhà trường đã đề ra các biện pháp tích cực để nâng cao hoạt động giảng dạy, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong các năm học, nhà trường lập kế hoạch và triển khai tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học. Có kế hoạch thực hiện giảng dạy và thực hiện chương trình theo từng bộ môn. Nhà trường có kế hoạch đảm bảo kết thúc học kỳ và năm học đúng thời gian quy định, có đủ thời lượng dành cho luyện tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành, tổ chức hoạt động giáo dục, trải nghiệm sáng tạo và kiểm tra định kỳ [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03] [H1-1.8-04]; [H2-2.2-03]; [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02].

b) Các môn học sử dụng hợp lý sách giáo khoa, liên hệ thực tế khi dạy học, dạy học theo dự án, theo chủ đề. Giáo viên thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học phù hợp theo chương trình để phát huy vai trò chủ động trong học tập của học sinh, tổ chức dạy học phân hóa theo năng lực của học sinh dựa trên chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình, vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. Bồi dưỡng phương pháp tự học, làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. [H1-1.8-02]; [H5-5.1-02].

c) Nhà trường quan tâm chỉ đạo việc kiểm tra đánh giá học sinh, tổ chức kiểm tra nghiêm túc, kỹ năng ra đề, soạn đáp án và chấm bài kiểm tra theo đúng quy định. Tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy chế ở tất cả các khâu ra đề, quản lý, duyệt đề, coi, chấm và nhận xét, đánh giá học sinh trong các lần kiểm tra thường xuyên, giữa học kỳ, cuối học kỳ nhằm đảm bảo khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh [H1-1.2-12], [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04]; [H5-5.1-05].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện kế hoạch giảng dạy và học tập từng môn học đúng theo kế hoạch giáo dục trên cơ sở lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03].

b) Trong kế hoạch giáo dục, nhà trường chú trọng công tác tuyển chọn học sinh giỏi, thi học sinh giỏi cấp trường để thành lập đội tuyển bồi dưỡng dự thi cấp

quận, cấp thành phố, tạo phong trào thi đua trong học tập, tham gia các hội thi chuyên môn các cấp trong năm học. Nhà trường có kế hoạch phụ đạo học sinh yếu, kém theo từng bộ môn, sát tình hình thực tế và theo dõi kết quả học tập của học sinh qua các bài kiểm tra định kỳ [H5-5.1-02]; [H5-5.1-05].

Mức 3:

Hàng năm, Hội đồng trường rà soát, phân tích, đánh giá về việc thực hiện kế hoạch giảng dạy và học tập. Tuy nhiên, nhà trường chưa thường xuyên rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các chuyên đề và các giải pháp, sáng kiến kinh nghiệm qua các cuộc họp để có kế hoạch điều chỉnh, bổ sung cho các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy và học của giáo viên, học sinh [H1-1.2-15]; [H1-1.4-06]; [H1-1.4-09]; [H1-1.4-12]; [H5-5.1-02].

2. Điểm mạnh

Trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định. Giáo viên tích cực vận dụng công nghệ thông tin, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng dạy học tích hợp, phát triển năng lực của học sinh, thường xuyên quan tâm liên hệ thực tế, rèn luyện kỹ năng tư duy cho học sinh.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa thường xuyên rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các chuyên đề và các giải pháp, sáng kiến kinh nghiệm qua các cuộc họp để có kế hoạch điều chỉnh, bổ sung cho các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy và học của giáo viên, học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, Hội đồng trường sẽ thường xuyên rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các chuyên đề, các giải pháp, sáng kiến kinh nghiệm để có kế hoạch điều chỉnh, bổ sung kịp thời nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường rất quan tâm đến chất lượng giáo dục hằng năm. Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch phụ đạo học sinh yếu, kém, kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi. Hiệu trưởng phân công cho giáo viên có kinh nghiệm tham gia dạy bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kém [H1-1.1-01]; [H1-1.7-04]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]; [H5-5.2-01].

b) Đầu năm học, cán bộ quản lý nhà trường chỉ đạo cho các tổ chuyên môn, giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm rà soát, phân loại chất lượng học sinh thông qua việc rà soát kết quả học tập, rèn luyện hạnh kiểm của học sinh năm học trước. Qua đó, các tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm có kế hoạch giáo dục cho học sinh có năng khiếu, bồi dưỡng học sinh giỏi, rèn luyện và phụ đạo học sinh yếu, kém [H1-1.8-04]; [H5-5.2-02].

c) Nhà trường rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh căn cứ vào kết quả kiểm tra cuối học kỳ 1, nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá để cải tiến hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kém, đồng thời chỉ đạo các tổ nhóm chuyên môn tổ chức họp để tìm ra nguyên nhân, đề ra biện pháp nhằm giúp đỡ học sinh yếu, kém trong học tập [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02]; [H5-5.2-03]; [H5-5.2-04]; [H5-5.2-05]; [H5-5.2-06].

Mức 2:

Để đảm bảo chất lượng học tập của học sinh, trường tổ chức thực hiện dạy học 2 buổi/ngày, tổ chức phụ đạo cho học sinh yếu, kém, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu. Qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ, giáo viên căn cứ vào kết quả học tập của học sinh để từ đó có biện pháp giúp học sinh yếu, kém, học sinh khó khăn học tập bộ môn. Do đó, chất lượng học tập và rèn luyện của học sinh hằng năm đều đảm bảo đạt theo chỉ tiêu kế hoạch năm học [H1-1.8-0.1]; [H5-5.2-02].

Mức 3:

Nhà trường có kế hoạch tuyển chọn và bồi dưỡng học sinh giỏi. Do đó trong các năm học, trường đều có học sinh tham dự các kỳ thi học sinh giỏi và được công nhận học sinh giỏi cấp quận, cấp thành phố. Học sinh cũng tích cực tham gia phong trào thể dục thể thao, văn nghệ, “Nét vẽ xanh” và đạt thành tích cao. Số lượng học sinh giỏi các cấp cũng như học sinh đạt giải trong các hội thi thể dục thể thao tuy còn ít nhưng đã tăng dần hằng năm. Tuy nhiên, so với kế hoạch hoạt động giáo dục chung, việc bồi dưỡng học sinh giỏi các bộ môn chưa trải đều ở tất cả các môn; chủ yếu tập trung vào các môn là thế mạnh của trường như Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Công nghệ [H2-2.4-06].

2. Điểm mạnh

Trường có kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu. Số lượng học sinh giỏi các cấp cũng như học sinh đạt giải trong các hội thi thể dục thể thao tuy còn ít nhưng đã tăng dần hằng năm.

3. Điểm yếu

So với kế hoạch hoạt động giáo dục chung, việc bồi dưỡng học sinh giỏi các bộ môn chưa trải đều ở tất cả các môn Toán học, Hóa học, Sinh học, Vật lý và Ngoại ngữ; chủ yếu tập trung vào các môn là thế mạnh của trường như Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Công nghệ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng và các tổ trưởng có kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi khối 9 ở tất cả các bộ môn; đồng thời, đẩy mạnh việc bồi dưỡng học sinh các khối 6, 7, 8 tham gia đầy đủ các kỳ thi về học thuật, kỹ thuật do Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;*
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;*
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.*

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo quy định tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07 tháng 7 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thông qua một số môn học như: Lịch sử, Giáo dục công dân, Ngữ văn, Địa lý và thực hiện giảng dạy bộ môn Giáo dục địa phương theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo đúng lộ trình hằng năm [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03]

b) Nhà trường thực hiện việc kiểm tra, đánh giá công tác giáo dục địa phương thông qua việc đảm bảo các tiết giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học sinh theo chương trình giáo dục địa phương của từng môn học theo quy định [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

c) Tổ chuyên môn, bộ môn rút kinh nghiệm, thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương vào cuối năm học. Tuy nhiên, việc cập nhật tài liệu nội dung giáo dục địa phương của các bộ môn chưa được phong phú [H5-5.3-03].

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học, qua đó giúp học sinh hiểu biết thêm về lịch sử địa phương tạo niềm tự hào của các em đối với quê hương đất nước nhằm góp phần thực hiện mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn theo tài liệu giảng dạy môn giáo dục địa phương [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện nội dung giáo dục địa phương ở các môn theo quy định. Giáo dục lồng ghép trong giảng dạy chính khóa bộ môn Giáo dục công dân, Lịch sử, Ngữ văn, Địa lí theo phân phối chương trình.

3. Điểm yếu

Việc cập nhật tài liệu nội dung giáo dục địa phương của các bộ môn chưa được phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, Phó Hiệu trưởng và tổ trưởng tiếp tục thực hiện tốt kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục địa phương được áp dụng cho toàn cấp Trung học cơ sở, chú trọng việc tổ chức giảng dạy bộ môn này đối với khối lớp 9.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường tổ chức dạy các nghề phổ thông ở các năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023 cho học sinh khối 8 (nghề Tin học, Điện, Dinh dưỡng) và dạy hướng nghiệp cho học sinh khối 9 đúng theo quy định. Đồng thời thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 (năm học 2021 – 2022, năm học 2022 – 2023, năm học 2023 – 2024) về môn học trải nghiệm, hướng nghiệp ở khối 6, 7, 8: 3 tiết/tuần. Hằng năm nhà trường đều có kế hoạch tổ chức tham quan ngoại khóa, tiết học ngoài nhà trường, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, tư vấn hướng nghiệp, dạy nghề cho học sinh phù hợp với điều kiện thực tế tại đơn vị [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02]; [H5-5.4-03];

b) Nhà trường đã tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch đã đề ra trong năm học. Các tổ, nhóm đã dần chú trọng việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong kế hoạch giảng dạy của bộ môn. Thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giáo viên đã giúp học sinh phát huy tiềm năng sáng tạo và tư duy, tăng cường kỹ năng thực hành và vận dụng kiến thức đã học vào thực tế. Các hoạt động hướng nghiệp đã đạt hiệu quả cho công tác phân luồng, tư vấn hướng nghiệp cho học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở [H2-2.2-03]; [H2-2.2-04]; [H5-5.4-02]; [H5-5.4-04]; [H5-5.4-05].

c) Nhà trường có phân công cụ thể các lực lượng đoàn viên, giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia hỗ trợ các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của học sinh. Sau mỗi hoạt động trải nghiệm, các tổ nhóm họp, nhận xét và rút kinh nghiệm. Cuối mỗi học kỳ, cán bộ quản lý cùng Tổ trưởng chuyên môn đánh giá hiệu quả việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp [H2-2.2-02]; [H5-5.4-03]; [H5-5.4-05].

Mức 2:

a) Nhà trường đã tổ chức các chuyến đi ngoại khóa có kết hợp tham quan các di tích lịch sử, văn hóa, các công trình, nhà máy, xí nghiệp, các cơ sở sản xuất, làng nghề như Văn miếu Trấn Biên, khu di tích Ấp Bắc, nông trại Tree. Tổ chức tiết học trải nghiệm ngoài nhà trường tại khu du lịch sinh thái giáo dục Green Land Farm. Hằng năm, nhà trường đều phối hợp với trường Trung cấp Kinh tế – Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cảnh, trường Cao đẳng Việt Mỹ để đưa học sinh tham quan và tìm hiểu các ngành đào tạo của trường. Đồng thời, vào tháng 4 hằng năm, trường còn phối hợp với các trường trung học phổ thông, trường cao đẳng hoặc trung cấp nghề và Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 7 tổ chức ngày hội Tư vấn thi tuyển sinh vào lớp 10 Trung học phổ thông và tư vấn hướng nghiệp cho toàn bộ cha mẹ học sinh và học sinh lớp 9. Nhà trường đã tổ chức cho học sinh tham gia trải nghiệm các môn học tại trường: tiết đọc sách tại thư viện, tiết học văn ngoài trời, kết hợp thực hành nấu ăn/thiết kế trang phục và thuyết trình bằng tiếng Anh, thực hành đo đạc tính toán diện tích sân chơi của trường, lớp học STEM. Ngoài ra nhà trường còn tiến hành tổ chức tiết học ngoài nhà trường: học Ngữ văn tại nhà tưởng niệm Bác Hồ, tìm hiểu lịch sử của khu di tích Gò Ô Môi, Quận 7. Tuy nhiên, việc tổ chức các tiết học trải nghiệm ngoài nhà trường chưa thực hiện được rộng rãi cho nhiều học sinh tham gia [H2-2.2-05] [H5-5.4-02]; [H5-5.4-03]; [H5-5.4-06].

b) Sau mỗi hoạt động nhà trường có rà soát, đánh giá công tác tổ chức, thực hiện các hoạt động nhằm rút kinh nghiệm trong các lần tổ chức đảm bảo an toàn, hiệu quả [H1-1.2-15]; [H5-5.4-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch và tổ chức được các hoạt động tham quan ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo, dạy nghề, tư vấn hướng nghiệp với hình thức phong phú và đạt hiệu quả cao trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học của đơn vị.

3. Điểm yếu

Việc tổ chức các tiết học trải nghiệm ngoài nhà trường chưa thực hiện được rộng rãi cho nhiều học sinh tham gia.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với điều kiện của nhà trường.

Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo Phó Hiệu trưởng và các tổ bộ môn xây dựng kế hoạch tổ chức các tiết học ngoài nhà trường đảm bảo nội dung phù hợp với chương trình giảng dạy và có mức kinh phí phù hợp với điều kiện của nhà trường và cha mẹ học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng tiếp thu, nhận thức học tập của học sinh, với điều kiện của nhà trường và địa phương. Thông qua việc giảng dạy bộ môn và hoạt động ngoài giờ lên lớp, giáo viên đã lồng ghép giáo dục kỹ năng phù hợp với nội dung, chủ đề bài dạy. Đồng thời, nhà trường đã phối hợp với Công ty Ròng Việt và GAIA tổ chức giảng dạy kỹ năng sống cho học sinh tất cả các lớp. Ngoài ra, nhà trường còn thực hiện các chuyên đề giáo dục kỹ năng sống trong tiết sinh hoạt đầu tuần bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú như: tổ chức các buổi tuyên truyền về sức khỏe sinh sản, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống bạo lực học đường, giáo dục Luật An toàn giao thông, Luật Trẻ em, Luật An ninh mạng, hướng dẫn phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn, tạo cho học sinh phong cách sống lành mạnh, an toàn [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02]; [H5-5.5-03];

b) Các bộ phận phối hợp với tổ bộ môn cùng thực hiện giáo dục kỹ năng sống theo từng chủ đề phần lớn học sinh hứng thú tham gia các hoạt động giáo dục kỹ năng sống. Qua đó rèn luyện cho học sinh ý thức thực hiện nề nếp, nội quy của trường, quy tắc ứng xử, biết lễ phép với thầy cô giáo và nhân viên của trường. Học sinh nắm được các hiểu biết xã hội phù hợp với độ tuổi, ý thức chấp hành luật pháp dần được hoàn thiện. Qua các chuyên đề kỹ năng sống hình thành cho học sinh kỹ năng đoàn kết, tinh thần tập thể làm việc nhóm; có các kỹ năng cơ bản phục vụ cho bản thân trong đời sống [H5-5.2-05]; [H5-5.5-06].

c) Đạo đức, lối sống của học sinh trường từng bước được hình thành và phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam. Qua các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, đạo đức và lối sống góp phần xây dựng nhân cách cho học sinh trong độ tuổi trung học cơ sở. Học sinh được rèn luyện tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, biết chia sẻ, giúp

đờ lẫn nhau và có trách nhiệm với cộng đồng thông qua các phong trào nuôi heo đất, giúp bạn vượt khó, hội thu ủng hộ đồng bào bị bão lũ. Ý thức tuân thủ nội quy của học sinh ngày một tốt hơn, tình trạng vi phạm kỷ luật, gây gỗ đánh nhau giảm rõ rệt. Hằng năm, tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt bình quân đạt 95,93% [H5-5.2-05]; [H5-5.5-06].

Mức 2:

a) Trong các giờ học, giờ thực hành, hoạt động ngoại khóa, giáo viên bộ môn hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của bản thân, đánh giá học sinh trong cùng nhóm và khác nhóm. Giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, xếp loại hạnh kiểm cuối học kỳ, cuối năm học [H1-1.5-02]; [H5-5.5-04].

b) Qua giảng dạy bộ môn và các hoạt động giáo dục ngoài giờ học, giáo viên đã hỗ trợ học sinh từng bước hình thành khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn; từ đó giải quyết các vấn đề trong cuộc sống. Bước đầu, thông qua các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, đàm phán, thuyết trình, một số học sinh đã có thể chủ động giải quyết những tình huống gắn với thực tế cuộc sống để thực hiện các dự án, các bài học theo chủ đề như Em tập làm phóng viên nhí, nghiên cứu văn hóa ứng xử trên mạng xã hội [H5-5.2-05]; [H5-5.5-06].

Mức 3:

Từ năm học 2019 – 2020 đến nay, trường phối hợp với Công ty KDI tổ chức tiết học STEM cho học sinh khối 6, 7, 8 nhằm tạo điều kiện để học sinh ứng dụng công nghệ nhằm tạo ra các sản phẩm sáng tạo, giúp học sinh rèn luyện tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, giao tiếp và hợp tác nhóm, qua đó góp phần hình thành, phát triển năng lực của học sinh, sẵn sàng cho cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Bước đầu, trường đã có một số học sinh tham gia nghiên cứu khoa học theo hướng dẫn của giáo viên, các em đã ứng dụng kiến thức để tạo ra các sản phẩm tham gia vào các cuộc thi khoa học kỹ thuật, khéo tay kỹ thuật, hội thi STEM xe thể năng. Tuy nhiên, các sản phẩm vẫn còn hạn chế về số lượng và chất lượng nên chưa đạt hiệu quả cao [H5-5.5-05]; [H5-5.5-06]; [H5-5.5-07]; [H5-5.5-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức được nhiều hoạt động ngoại khóa góp phần giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh.

Công tác giáo dục kỹ năng sống cho học sinh được nhà trường quan tâm chú trọng, đầu tư nhiều thời gian, công sức, tâm huyết và đã tạo được sự đồng thuận, phối hợp của cha mẹ học sinh, các tổ chức đoàn thể nên đã đạt được hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có nhiều học sinh nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục tổ chức giảng dạy về kỹ năng sống cho học sinh. Tổ chức có hiệu quả của các câu lạc bộ trong nhà trường và giáo dục đạo đức học sinh thông qua việc chấp hành nội quy trường lớp, các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt tập thể.

Hiệu trưởng lập kế hoạch tăng cường ứng dụng STEM trong phương pháp giảng dạy của các bộ môn nhằm tạo điều kiện cho học sinh nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn. Nhà trường tổ chức các câu lạc bộ như: câu lạc bộ Toán học, câu lạc bộ Văn học, câu lạc bộ Mỹ thuật, câu lạc bộ Tiếng Anh để học sinh tham gia học tập, trao đổi kinh nghiệm và tổ chức nhiều cuộc thi nghiên cứu khoa học để học sinh tham gia.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*

b) *Tỉ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:*

- *Tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;*

- *Tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;*

- *Tỉ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;*

- *Tỉ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;*

- *Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;*

- *Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;*

- *Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỉ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất*

90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 3% học sinh bỏ học, không quá 5% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 1% học sinh bỏ học, không quá 2% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện đánh giá, xếp loại học lực, hạnh kiểm học sinh theo hướng dẫn của Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông, Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT - BGDDT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông và Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông. Kết quả học tập, rèn luyện của học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch và đáp ứng được mục tiêu giáo dục của cấp trung học cơ sở. Tỷ lệ học sinh xếp loại học tập cuối năm từ trung bình trở lên qua các năm đạt từ 99% trở lên, tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt bình quân từ 99% trở lên [H5-5.2-05].

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tỷ lệ học sinh được xét tốt nghiệp Trung học cơ sở của nhà trường tương đối ổn định và đạt yêu cầu theo kế hoạch của trường. Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng hằng năm bình quân đạt 96,81% trở lên. Tỷ lệ học sinh

lên lớp sau kiểm tra lại đạt từ 98,5% trở lên, tỉ lệ học sinh lớp 9 đủ điều kiện xét tốt nghiệp trung học cơ sở đạt từ 99% trở lên [H5-5.2-05]; [H5-5.6-02]; [H5-5.6-03].

c) Hằng năm, nhà trường tổ chức định hướng phân luồng, tư vấn hướng nghiệp và đăng ký chọn nguyện vọng tuyển sinh 10 cho học sinh và cha mẹ học sinh khối 9. Sau tốt nghiệp trung học cơ sở, các em đều tham gia học trung học phổ thông hoặc học nghề tại các trường trung cấp, cao đẳng nghề [H5-5.6-02]; [H5-5.6-04].

Mức 2:

a) Nhà trường có kế hoạch và quản lý tốt công tác dạy học, công tác chủ nhiệm lớp, công tác giáo dục toàn diện. Vì vậy, trong 05 năm học vừa qua kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh từ trung bình trở lên tương đối ổn định và có chuyển biến tích cực về tỉ lệ học sinh khá, giỏi [H5-5.2-05].

b) Tỉ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp được duy trì và có những chuyển biến tích cực từ năm học 2019 – 2020 đến nay [H5-5.2-05]; [H5-5.6-03].

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh trong 05 năm từ năm học 2019 – 2020 đến năm học 2023 – 2024 như sau:

- Năm học 2019 – 2020 và năm học 2020 – 2021 đánh giá kết quả học lực và hạnh kiểm học sinh theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT:

Năm học	Học lực					Hạnh kiểm			
	Giỏi (%)	Khá (%)	TB (%)	Yếu (%)	Kém (%)	Tốt (%)	Khá (%)	TB (%)	Yếu (%)
2019 – 2020	36,64	38,15	22,88	2,33	0,00	85,07	12,95	1,99	0,00
2020 – 2021	37,13	38,85	19,68	3,95	0,38	81,66	16,69	1,46	0,19

- Năm học 2021 – 2022
 - Học sinh khối 6 thực hiện đánh giá kết quả học tập và kết quả rèn luyện theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT:

	Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
--	-----------------	-------------------

Tổng số học sinh khối 6	Tốt (%)	Khá (%)	Đạt (%)	Chưa đạt (%)	Tốt (%)	Khá (%)	Đạt (%)	Chưa đạt (%)
365	27,95	39,18	29,86	3,01	84,66	13,97	0,27	1,09

- Học sinh khối 7, khối 8, khối 9 đánh giá kết quả học lực và hạnh kiểm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT:

Tổng số học sinh khối 6, 7, 8	Học lực					Hạnh kiểm			
	Giỏi (%)	Khá (%)	TB (%)	Yếu (%)	Kém (%)	Tốt (%)	Khá (%)	TB (%)	Yếu (%)
1176	45,41	40,31	13,61	0,68	0,00	90,22	9,014	0,68	0,00

- Năm học 2022 – 2023

- Học sinh khối 6 và khối 7 đánh giá kết quả học tập và kết quả rèn luyện theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT:

Tổng số học sinh khối 6, 7	Kết quả học tập				Kết quả rèn luyện			
	Tốt (%)	Khá (%)	Đạt (%)	Chưa đạt (%)	Tốt (%)	Khá (%)	Đạt (%)	Chưa đạt (%)
919	38,96	37,21	21,00	2,83	84,3	13,8	1,85	0,00

- Học sinh khối 8 và khối 9 đánh giá kết quả học lực và hạnh kiểm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT:

-

Tổng số học sinh khối 8, 9	Học lực					Hạnh kiểm			
	Giỏi (%)	Khá (%)	TB (%)	Yếu (%)	Kém (%)	Tốt (%)	Khá (%)	TB (%)	Yếu (%)
796	41,71	42,09	15,33	0,63	0,25	91,46	7,79	0,75	0,00

- Năm học 2023 – 2024:

- Học sinh khối 6, khối 7, khối 8 đánh giá kết quả học tập và kết quả rèn luyện theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT:

Tổng số học sinh khối 6, khối 7, khối 8	Kết quả học tập				Kết quả rèn luyện			
	Tốt (%)	Khá (%)	Đạt (%)	Chưa đạt (%)	Tốt (%)	Khá (%)	Đạt (%)	Chưa đạt (%)
1490	39,19	37,05	21,28	2,48	88,12	9,93	1,74	0,20

- Học sinh khối 9 đánh giá kết quả học lực và hạnh kiểm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT:

Tổng số học sinh khối 9	Học lực					Hạnh kiểm			
	Giỏi (%)	Khá (%)	TB (%)	Yếu (%)	Kém (%)	Tốt (%)	Khá (%)	TB (%)	Yếu (%)
390	41,03	42,05	16,92	0,00	0,00	97,18	2,82	0,00	0,00

Tỉ lệ học sinh giỏi, tốt của trường tăng hằng năm và đều cao hơn 35%. Tuy nhiên tỉ lệ học sinh khá của năm học 2023 – 2024 chưa cao hơn 38%. Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu, kém, chưa đạt của 05 năm là 3,0%.

b) Hằng năm nhà trường đều thực hiện công tác duy trì sĩ số, tuy nhiên tỉ lệ học sinh bỏ học có những năm vượt quá 1%. Tỉ lệ học sinh bỏ học của 05 năm từ 2019 – 2020 đến 2023 – 2024 là 1,17%. Tỉ lệ học sinh lưu ban của 05 năm từ 2019 – 2020 đến 2023 – 2024 là 1,46% [H5-5.2-05]; [H5-5.6-01]. Cụ thể như sau:

Năm học	Tỉ lệ lưu ban	Tỉ lệ bỏ học
2019 – 2020	$35/1460 = 2,39\%$	$18/1460 = 1,23\%$
2020 – 2021	$68/1570 = 4,33\%$	$09/1570 = 0,57\%$
2021 – 2022	$02/1542 = 0,13\%$	$25/1542 = 1,62\%$
2022 – 2023	$06/1715 = 0,35\%$	$28/1715 = 1,63\%$
2023 – 2024	$07/1884 = 0,37\%$	$15/1884 = 0,80\%$

2. Điểm mạnh

Việc thực hiện tốt chương trình và các hoạt động giáo dục đã tạo tiền đề cho công tác đảm bảo chất lượng giáo dục của nhà trường ổn định và từng bước phát triển qua các năm học.

Nhà trường rất quan tâm đến công tác hướng nghiệp cho học sinh và đã xây dựng kế hoạch giáo dục hướng nghiệp phù hợp với các văn bản hướng dẫn của các cấp, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

3. Điểm yếu

Tỉ lệ học sinh xếp loại học lực khá, yếu, kém và tỉ lệ học sinh lưu ban, bỏ học ở một vài năm còn cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, phụ đạo học sinh yếu, kém để duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục. Đồng thời tiếp tục duy trì công tác hướng nghiệp cho học sinh.

Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm lớp phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh, các ban ngành, đoàn thể tại địa phương vận động và tạo điều kiện để học sinh đến trường nhằm giảm tỉ lệ học sinh bỏ học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Trong nhiều năm qua, nhà trường thực hiện tốt chương trình giáo dục và các hoạt động giáo dục. Lãnh đạo nhà trường đã triển khai hiệu quả các nội dung giáo dục nên đã đạt được thành tích cao về kết quả học tập của học sinh, kết quả học sinh đạt giải qua các kỳ thi học sinh giỏi cấp quận và cấp thành phố, kết quả xếp loại học tập, hạnh kiểm của học sinh toàn trường luôn ổn định và từng bước được nâng cao. Bên cạnh đó, giáo dục thể chất, giáo dục hướng nghiệp cũng đạt được thành tích tốt. Các hoạt động ngoại khóa, hoạt động vui chơi, giải trí, phong trào văn nghệ, thể dục thể thao thực sự đã thu hút đông đảo học sinh tham gia, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Điểm yếu cơ bản:

Trường vẫn còn học sinh xếp loại học lực yếu, kém và tỉ lệ học sinh lưu ban, bỏ học còn cao.

Số lượng các tiêu chí đạt, không đạt:

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu ở Mức 1, 06/06 tiêu chí; số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu ở Mức 1, 00/06 tiêu chí.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu ở Mức 2, 06/06 tiêu chí; số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu ở Mức 2, 00/06 tiêu chí.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu ở Mức 3, 02/04 tiêu chí; số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu ở Mức 3, 02/04 tiêu chí.

Nguyễn Đức Dũng

Phần IV: PHỤ LỤC

Bảng danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	H1-1.1-01	Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường 2020 – 2025	Năm 2020	Hiệu trưởng	Văn thư
	2	H1-1.1-02	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Phường Bình Thuận 2020 – 2025	Năm 2020	Đảng bộ Phường Bình Thuận	Phòng Truyền thống
	3	H1-1.1-03	Niên yết công khai kế hoạch chiến lược	Năm 2020	Hiệu trưởng	Phòng Học vụ
	4	H1-1.1-04	Biên bản họp hội đồng trường	Năm 2019 đến năm 2023	Thư ký hội đồng	Phòng Học vụ
	5	H1-1.1-05	Biên bản rà soát chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	Năm 2019 đến năm 2023	Hội đồng trường	Phòng Học vụ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.2	1	H1-1.2-01	Quyết định thành lập hội đồng trường	Năm 2019 đến năm 2023	Ủy ban nhân dân Quận 7	Hiệu trưởng
	2	H1-1.2-02	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng Học vụ
	3	H1-1.2-03	Quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra học kỳ	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng Học vụ
	4	H1-1.2-04	Quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra lại và xét duyệt	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng Học vụ
	5	H1-1.2-05	Quyết định thành lập Hội đồng xét sáng kiến kinh nghiệm	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng Học vụ
	6	H1-1.2-06	Quyết định thành lập Hội đồng thi giáo viên giỏi	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng Học vụ
	7	H1-1.2-07	Quyết định thành lập Hội đồng Tuyển sinh	Năm 2019 đến năm 2023	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phòng Học vụ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	8	H1-1.2-08	Quyết định công nhận xét tốt nghiệp Trung học cơ sở	Năm 2019 đến năm 2023	Ủy ban nhân dân Quận 7	Phòng Học vụ
	9	H1-1.2-09	Quy chế hoạt động Hội đồng trường	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng Học vụ
	10	H1-1.2-10	Hồ sơ thi đua khen thưởng	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng Học vụ
	11	H1-1.2-11	Hồ sơ tuyển sinh	Năm 2019 đến năm 2023	Thư ký Hội đồng	Phòng Học vụ
	12	H1-1.2-12	Hồ sơ kiểm tra học kỳ	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Học vụ
	13	H1-1.2-13	Hồ sơ chấm, xét sáng kiến kinh nghiệm	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Học vụ
	14	H1-1.2-14	Hồ sơ thi giáo viên giỏi	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	15	H1-1.2-15	Biên bản họp hội đồng sư phạm	Năm 2019 đến năm 2023	Thư ký hội đồng	Thư ký hội đồng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	16	H1-1.2-16	Báo cáo sơ kết, tổng kết phong trào thi đua	Năm 2019 đến năm 2023	Công đoàn cơ sở	Phòng Truyền thống
Tiêu chí 1.3	1	H1-1.3-01	Quyết định chuẩn y ban chấp hành Công đoàn, Nghị quyết/ biên bản đại hội Công đoàn	Năm 2019 đến năm 2023	Công đoàn Giáo dục Quận 7 Liên đoàn Lao động Quận 7 Chủ tịch công đoàn	Phòng Truyền thống
	2	H1-1.3-02	Quyết định chuẩn y ban chấp hành Chi đoàn, Nghị quyết/ biên bản đại hội Chi đoàn.	Năm 2019 đến năm 2023	Quận đoàn 7 Đoàn phường Bình Thuận Bí thư chi đoàn	Phòng Đoàn – Đội
	3	H1-1.3-03	Danh sách chỉ đội trưởng các lớp, ban chỉ huy liên đội Quyết định chuẩn y Liên đội	Năm 2019 đến năm 2023	Hội đồng Đội Quận 7 Tổng phụ trách đội	Phòng Đoàn – Đội

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			Biên bản đại hội Liên đội			
	4	H1-1.3-04	Hồ sơ Chi hội Chữ thập đỏ	Năm 2019 đến năm 2023	Hội Chữ thập đỏ Quận 7 Chi hội Chữ thập đỏ trường Nguyễn Hiền	Phòng Y tế
	5	H1-1.3-05	Hồ sơ Chi hội Khuyến học	Năm 2019 đến năm 2023	Hội Khuyến học phường Bình Thuận Chi hội Khuyến học trường Nguyễn Hiền	Phòng Truyền thống
	6	H1-1.3-06	Hồ sơ Công đoàn (kế hoạch, biên bản, báo cáo)	Năm 2019 đến năm 2023	Công đoàn cơ sở trường Trung học cơ sở Nguyễn Hiền	Phòng Truyền thống

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	7	H1-1.3-07	Hồ sơ Chi đoàn (kế hoạch, biên bản, báo cáo)	Năm 2019 đến năm 2023	Chi bộ trường Trung học cơ sở Nguyễn Hiền	Phòng Đoàn – Đội
	8	H1-1.3-08	Hồ sơ Liên đội (kế hoạch, biên bản, báo cáo)	Năm 2019 đến năm 2023	Liên đội trường Trung học cơ sở Nguyễn Hiền	Phòng Đoàn – Đội
	9	H1-1.3-09	Quyết định hoạt động chuẩn y cấp ủy Chi bộ Đảng	Năm 2019 đến năm 2023	Đảng ủy Phường Bình Thuận	Phòng Truyền thống
	10	H1-1.3-10	Quy chế hoạt động của chi bộ, Nghị quyết chi bộ, Biên bản họp chi bộ	Năm 2019 đến năm 2023	Chi bộ trường Trung học cơ sở Nguyễn Hiền	Phòng Truyền thống
	11	H1-1.3-11	Kết quả xếp loại chi bộ	Năm 2019 đến năm 2023	Đảng ủy Phường Bình Thuận	Phòng Truyền thống
	12	H1-1.3-12	Kết quả xếp loại công đoàn cơ sở	Năm 2019 đến năm 2023	Liên đoàn Lao động Quận 7	Phòng Truyền thống

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	13	H1-1.3-13	Kết quả xếp loại chi đoàn	Năm 2019 đến năm 2023	Quận đoàn 7	Phòng Đoàn – Đội
	14	H1-1.3-14	Kết quả xếp loại Liên đội	Năm 2019 đến năm 2023	Hội đồng Đội Quận 7	Phòng Đoàn – Đội
Tiêu chí 1.4	1	H1-1.4-01	Quyết định bổ nhiệm/tái bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Năm 2019 đến năm 2023	Ủy ban nhân dân Quận 7	Phòng Hiệu trưởng
	2	H1-1.4 -02	Quyết định thành lập tổ, bổ nhiệm tổ trưởng	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	3	H1-1.4-03	Quy chế tổ chức, hoạt động của nhà trường	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	4	H1-1.4-04	Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng	Năm 2019 đến năm 2023	Tổ trưởng	Phó Hiệu trưởng
	5	H1-1.4-05	Sổ họp tổ, biên bản	Năm 2019 đến năm 2023	Tổ trưởng	Phó Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	6	H1-1.4-06	Hồ sơ thao giảng, chuyên đề hằng năm	Năm 2019 đến năm 2023	Tổ trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	7	H1-1.4-07	Hình ảnh hoạt động tổ bộ môn	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	8	H1-1.4-08	Biên bản kiểm tra hoạt động của các bộ phận	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	9	H1-1.4-09	Báo cáo sơ kết, tổng kết tổ bộ môn	Năm 2019 đến năm 2023	Tổ trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	10	H1-1.4-10	Báo cáo sơ kết, tổng kết của trường	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	11	H1-1.4-11	Giấy khen tập thể nhà trường	Năm 2019 đến năm 2023	Ủy ban nhân dân	Phòng Truyền thống
Tiêu chí 1.5	1	H1-1.5-01	Sổ đăng bộ	Năm 2019 đến năm 2023	Văn thư	Phòng Học vụ
	2	H1-1.5-02	Danh sách giáo viên chủ nhiệm; Sổ chủ nhiệm; Biên	Năm 2019 đến năm 2023	Giáo viên chủ nhiệm	Phòng Học vụ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			bản hợp bầu lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng			
	3	H1-1.5-03	Danh sách học sinh, cán bộ lớp	Năm 2019 đến năm 2023	Văn thư, giáo viên chủ nhiệm	Phòng Học vụ
	4	H1-1.5-04	Sổ gọi tên ghi điểm	Năm 2019 đến năm 2023	Văn thư	Phòng Học vụ
Tiêu chí 1.6	1	H1-1.6-01	Sổ công văn đi, đến	Năm 2019 đến năm 2023	Văn thư	Phòng Học vụ
	2	H1-1.6-02	Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục	Năm 2019 đến năm 2023	Kế toán	Phòng Tài vụ
	3	H1-1.6-03	Biên bản kiểm tra tài chính, tài sản	Năm 2019 đến năm 2023	Phòng Tài chính Kế hoạch Quận 7	Phòng Tài vụ
	4	H1-1.6-04	Dự toán thu chi, đề xuất mua sắm	Năm 2019 đến năm 2023	Kế toán	Phòng Tài vụ
	5	H1-1.6-05	Báo cáo quyết toán, thống kê; báo cáo tài chính tài	Năm 2019 đến năm 2023	Kế toán	Phòng Tài vụ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			sản			
	6	H1-1.6-06	Quy chế chi tiêu nội bộ	Năm 2019 đến năm 2023	Kế toán	Phòng Tài vụ
	7	H1-1.6-07	Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công	Năm 2019 đến năm 2023	Kế toán	Phòng Tài vụ
	8	H1-1.6-08	Quy chế tự kiểm tra tài chính	Năm 2019 đến năm 2023	Kế toán	Phòng Tài vụ
	9	H1-1.6-09	Hồ sơ công khai tài chính	Năm 2019 đến năm 2023	Kế toán	Phòng Tài vụ
	8	H1-1.6-10	Các phần mềm quản lý hành chính, tài sản, tài chính của trường	Năm 2019 đến năm 2023	Kế toán	Phòng Tài vụ
Tiêu chí 1.7	1	H1-1.7-01	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ hằng năm.	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	2	H1-1.7-02	Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	3	H1-1.7-03	Quyết định phân công nhiệm vụ cho giáo viên, nhân viên	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng Học vụ
	4	H1-1.7-04	Bảng phân công chuyên môn	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Học vụ
	5	H1-1.7-05	Quyết định khen thưởng	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng Học vụ
	6	H1-1.7-06	Quy chế chuyên môn	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	7	H1-1.7-07	Hồ sơ hưởng chế độ chính sách	Năm 2019 đến năm 2023	Kế toán	Phòng Tài vụ
Tiêu chí 1.8	1	H1-1.8-01	Kế hoạch giáo dục, kế hoạch năm học	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	2	H1-1.8-02	Kế hoạch giảng dạy các bộ môn	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	3	H1-1.8-03	Kế hoạch 2 buổi/ngày	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	4	H1-1.8-04	Kế hoạch các câu lạc bộ	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	5	H1-1.8-05	Kế hoạch kiểm tra nội bộ	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	6	H1-1.8-06	Các biên bản kiểm tra nội bộ	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	7	H1-1.8-07	Biên bản kiểm tra của cấp có thẩm quyền có nội dung liên quan (của phòng giáo dục)	Năm 2019 đến năm 2023	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.9	1	H1-1.9-01	Quy chế dân chủ cơ sở	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	2	H1-1.9-02	Hồ sơ tiếp công dân và giải quyết khiếu tố, khiếu nại	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	3	H1-1.9-03	Kế hoạch, báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Văn thư
	4	H1-1.9-04	Kế hoạch, Biên bản kiểm tra giám sát của Ban thanh tra nhân dân	Năm 2019 đến năm 2023	Trưởng ban Thanh tra nhân dân	Phòng Truyền thống
	5	H1-1.9-05	Biên bản Hội nghị Cán bộ, Công chức, Viên chức, Người lao động	Năm 2019 đến năm 2023	Thư ký hội đồng	Phòng Hiệu trưởng
	6	H1-1.9-06	Quy chế đối thoại	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	7	H1-1.9-07	Hồ sơ công khai	Năm 2019 đến năm 2023	Thư ký hội đồng	Phòng Học vụ
	1	H1-1.10-01	Hồ sơ đảm bảo an ninh trật tự trường học.	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Học vụ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.10	2	H1-1.10-02	Kế hoạch phòng chống tai nạn thương tích	Năm 2019 đến năm 2023	Nhân viên Y tế	Y tế
	3	H1-1.10-03	Kế hoạch an toàn phòng chống cháy nổ, thiên tai	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Học vụ
	4	H1-1.10-04	Kế hoạch phòng chống các tệ nạn, bạo lực học đường; tuyên truyền về bình đẳng giới	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Học vụ
	5	H1-1.10-05	Kế hoạch vệ sinh an toàn thực phẩm	Năm 2019 đến năm 2023	Nhân viên Y tế	Y tế
	6	H1-1.10-06	Các hình ảnh tuyên truyền	Năm 2019 đến năm 2023	Tổng phụ trách	Đoàn – Đội
	7	H1-1.10-07	Biên bản họp cha mẹ học sinh	Năm 2019 đến năm 2023	Thư ký	Văn thư
Tiêu chí 2.1	1	H2-2.1-01	Hồ sơ cá nhân Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Năm 2019 đến năm 2023	Thư ký Hội đồng	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	2	H2-2.1-02	Hồ sơ đánh giá chuẩn hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.	Năm 2019 đến năm 2023	Thư ký Hội đồng	Kho Lưu trữ
	3	H2-2.1-03	Kết quả xếp loại viên chức	Năm 2019 đến năm 2023	Ủy ban nhân dân Quận 7	Kho Lưu trữ
	4	H2-2.1-04	Biên bản bỏ phiếu tín nhiệm, nhận xét cán bộ quản lý	Năm 2019 đến năm 2023	Chủ tịch công đoàn	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 2.2	1	H2-2.2-01	Hồ sơ cá nhân giáo viên	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	H2-2.2-02	Thông kê tình hình đội ngũ	Năm 2019 đến năm 2023	Văn thư	Phòng Học vụ
	3	H2-2.2-03	Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp của giáo viên	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Kho Lưu trữ
	4	H2-2.2-04	Kế hoạch hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	5	H2-2.2-05	Hình ảnh học sinh tham gia hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.	Năm 2019 đến năm 2023	Tổng phụ trách	Phòng Đoàn – Đội
	6	H2-2.2-06	Danh sách học sinh đi tham quan các trường nghề.	Năm 2019 đến năm 2023	Văn thư	Phòng Học vụ
	7	H2-2.2-07	Số liệu học sinh học nghề sau tốt nghiệp trung học cơ sở.	Năm 2019 đến năm 2023	Văn thư	Phòng Học vụ
	8	H2-2.2-08	Hình ảnh học sinh nghiên cứu khoa học.	Năm 2019 đến năm 2023	Tổng phụ trách	Đoàn Đội
	9	H2-2.2-09	Quyết định hướng dẫn và khen thưởng học sinh nghiên cứu khoa học	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	10	H2-2.2-10	Luận văn thạc sĩ	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Kho Lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 2.3	1	H2-2.3-01	Hồ sơ nhân viên.	Năm 2019 đến năm 2023	Giáo viên, nhân viên	Phòng Hiệu trưởng
	2	H2-2.3-02	Kết quả đánh giá xếp loại các bộ phận y tế, thư viện, thiết bị của cấp trên	Năm 2019 đến năm 2023	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Các phòng ban
	3	H2-2.3-03	Văn bản triệu tập nhân viên tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ	Năm 2019 đến năm 2023	Trường Bồi dưỡng giáo dục	Phòng Học vụ
Tiêu chí 2.4	1	H2-2.4-01	Nội quy học sinh	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Sân trường
	2	H2-2.4-02	Danh sách học sinh được hỗ trợ chi phí học tập	Năm 2019 đến năm 2023	Kế toán	Phòng Hiệu trưởng
	3	H2-2.4-03	Hình ảnh hoạt động của Học sinh tham gia các hoạt động tập thể, trường, lớp;	Năm 2019 đến năm 2023	Tổng phụ trách	Phòng Đoàn – Đội

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			của Đội TNTP, của Đoàn Thanh niên; tham gia các hoạt động xã hội.			
	4	H2-2.4-04	Hồ sơ theo dõi sức khỏe học sinh	Năm 2019 đến năm 2023	Nhân viên Y tế	Phòng Y tế
	5	H2-2.4-05	Biên bản xét duyệt học lực hạnh kiểm, báo cáo công tác chủ nhiệm.	Năm 2019 đến năm 2023	Thư ký Hội đồng – Giáo viên chủ nhiệm	Phòng Học vụ
	6	H2-2.4-06	Hồ sơ khen thưởng học sinh.	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng Học vụ
Tiêu chí 3.1	1	H3-3.1-01	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Năm 2019 đến năm 2023	Sở Tài nguyên – Môi trường Thành Phố	Phòng Hiệu trưởng
	2	H3-3.1-02	Hồ sơ thiết kế xây dựng	Năm 2019 đến năm 2023	Ban Quản lý dự án	Phòng Hiệu trưởng
	3	H3-3.1-03	Các hình ảnh liên quan	Năm 2019 đến năm 2023	Tổng phụ trách	Phòng Đoàn – Đội

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 3.2	1	H3-3.2-01	Sơ đồ các phòng học	Năm 2019 đến năm 2023	Văn thư	Phòng Học vụ
	2	H3-3.2-02	Hình ảnh các phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng, khối hành chính - quản trị, khuôn viên, sân chơi, bãi tập, ...	Năm 2019 đến năm 2023	Văn thư	Phòng Đoàn Đội
	3	H3-3.2-03	Sổ theo dõi công cụ, dụng cụ	Năm 2019 đến năm 2023	Kế toán	Phòng Tài vụ
	4	H3-3.2-04	Danh mục đồ dùng dạy học tối thiểu	Năm 2019 đến năm 2023	Nhân viên thiết bị	Phòng Thiết bị
Tiêu chí 3.3	1	H3-3.3-01	Sơ đồ tổng thể	Năm 2019 đến năm 2023	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hiền	Phòng Kế toán
	2	H3-3.3-02	Hóa đơn mua sắm sửa chữa	Năm 2019 đến năm 2023	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hiền	Phòng Kế toán

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 3.4	3	H3-3.4-01	Biên bản kiểm tra y tế	Năm 2019 đến năm 2023	Trung tâm y tế Dự phòng	Phòng Y tế
	2	H3-3.4-02	Hợp đồng thu gom rác và vận chuyển	Năm 2019 đến năm 2023	Công ty Dịch vụ Công ích	Phòng Kế toán
	3	H3-3.4-03	Hợp đồng cung cấp nước uống	Năm 2019 đến năm 2023	Công ty Samin	Phòng Y tế
	4	H3-3.4-04	Hóa đơn tiền nước hằng tháng	Năm 2019 đến năm 2023	Công ty Cấp nước	Phòng Kế toán
Tiêu chí 3.5	1	H3-3.5-01	Hóa đơn mua, sửa chữa các thiết bị giáo dục	Năm 2019 đến năm 2023	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hiền	Phòng Kế toán
	3	H3-3.5-02	Hợp đồng thanh toán tiền internet hằng tháng của nhà trường	Năm 2019 đến năm 2023	Viettel	Phòng Kế toán
	4	H3-3.5-03	Thống kê danh mục thiết bị dạy học do giáo viên tự làm	Năm 2019 đến năm 2023	Giáo viên	Phòng Thiết bị

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 3.6	1	H3-3.6-01	Sổ quản lý thư viện	Năm 2019 đến năm 2023	Nhân viên thư viện – thiết bị	Thư viện – Thiết bị
	2	H3-3.6-02	Biên bản kiểm kê thư viện - Thiết bị	Năm 2019 đến năm 2023	Nhân viên thư viện – thiết bị	Thư viện – Thiết bị
	3	H3-3.6-03	Phiếu đề xuất mua, sửa chữa	Năm 2019 đến năm 2023	Nhân viên thư viện – thiết bị	Thư viện – Thiết bị
	4	H3-3.6-04	Kế hoạch hoạt động Thư viện – Thiết bị	Năm 2019 đến năm 2023	Nhân viên thư viện – thiết bị	Thư viện – Thiết bị
	5	H3-3.6-05	Biên bản đánh giá Thư viện trường học đạt chuẩn	Năm 2019 đến năm 2023	Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 7	Thư viện – Thiết bị
	6	H3-3.6-06	Báo cáo sơ kết, tổng kết Thư viện – Thiết bị	Năm 2019 đến năm 2023	Nhân viên thư viện – thiết bị	Thư viện – Thiết bị
	1	H4-4.1-01	Hồ sơ Hội nghị cha mẹ học sinh đầu năm	Năm 2019 đến năm 2023	Ban đại diện cha mẹ học sinh	Phòng Học vụ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 4.1	2	H4-4.1-02	Danh sách Ban đại diện cha mẹ học sinh của mỗi lớp và nhà trường	Năm 2019 đến năm 2023	Thư ký Hội đồng	Phòng Học vụ
	3	H4-4.1-03	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm 2019 đến năm 2023	Ban đại diện cha mẹ học sinh	Phòng Học vụ
	4	H4-4.1-04	Báo cáo hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm 2019 đến năm 2023	Ban đại diện cha mẹ học sinh	Phòng Học vụ
	5	H4-4.1-05	Các biên bản họp cha mẹ học sinh	Năm 2019 đến năm 2023	Ban đại diện cha mẹ học sinh	Phòng Học vụ
	6	H4-4.1-06	Quy chế phối hợp giữa Ban đại diện cha mẹ học sinh và nhà trường.	Năm 2019 đến năm 2023	Ban đại diện cha mẹ học sinh	Phòng Học vụ
Tiêu chí 4.2	1	H4-4.2-01	Báo cáo học sinh nghỉ bỏ học	Năm 2019 đến năm 2023	Văn thư	Phòng Học vụ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	2	H4-4.2-02	Văn bản tham mưu phối hợp với các cơ quan.	Năm 2019 đến năm 2023	Văn thư	Phòng Học vụ
	3	H4-4.2-03	Danh sách học sinh khó khăn nhận quà	Năm 2019 đến năm 2023	Văn thư	Phòng Học vụ
	4	H4-4.2-04	Danh sách học sinh nhận học bổng	Năm 2019 đến năm 2023	Văn thư	Phòng Học vụ
	5	H4-4.2-05	Danh sách học sinh nhận thẻ bảo hiểm y tế	Năm 2019 đến năm 2023	Văn thư	Phòng Học vụ
	6	H4-4.2-06	Các hình ảnh, tư liệu về các hoạt động lễ hội, sự kiện,... của địa phương được tổ chức tại nhà trường;	Năm 2019 đến năm 2023	Tổng phụ trách	Phòng Đoàn – Đội
	7	H4-4.2-07	Hồ sơ xây dựng đơn vị văn hóa	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.1	1	H5-5.1-01	Biên bản họp giao ban tổ trưởng chuyên môn	Năm 2019 đến năm 2023	Thư ký hội đồng	Phòng Phó Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	2	H5-5.1-02	Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	3	H5-5.1-03	Kế hoạch kiểm tra đánh giá	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	4	H5-5.1-04	Quy chế kiểm tra đánh giá	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	5	H5-5.1-05	Hình ảnh, kết quả minh chứng về đổi mới phương pháp dạy học, bồi dưỡng học sinh giỏi ...	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.2	1	H5-5.2-01	Các văn bản miễn giảm học phí và các khoản thu của năm học.	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	2	H5-5.2-02	Danh sách phụ đạo học sinh yếu, chưa ngoan	Năm 2019 đến năm 2023	Giáo viên	Phòng Phó Hiệu trưởng
	3	H5-5.2-03	Danh sách miễn, giảm học phí và các khoản thu cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn.	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	4	H5-5.2-04	Danh sách bồi dưỡng học sinh Giỏi	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	5	H5-5.2-05	Thống kê chất lượng học sinh	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	6	H5-5.2-06	Báo cáo Phụ đạo HS yếu	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.3	1	H5-5.3-01	Kế hoạch giáo dục địa phương	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	2	H5-5.3-02	Giáo án, tài liệu giáo dục địa phương	Năm 2019 đến năm 2023	Giáo viên	Phòng Phó Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	3	H5-5.3-03	Báo cáo sơ kết, tổng kết giáo dục địa phương	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.4	1	H5-5.4-01	Kế hoạch dạy nghề phổ thông cho học sinh lớp 8 và hướng nghiệp cho học sinh lớp 9	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	2	H5-5.4-02	Kế hoạch tổ chức tham quan ngoại khóa	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	3	H5-5.4-03	Hồ sơ tổ chức tham quan, ngoại khóa	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	4	H5-5.4-04	Kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong các bộ môn, tiết học ngoài nhà trường....	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	5	H5-5.4-05	Danh sách phân công, huy động Giáo viên tham gia	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp			
	6	H5-5.4-06	Hình ảnh các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo	Năm 2019 đến năm 2023	Tổng phụ trách	Phòng Đoàn – Đội
Tiêu chí 5.5	1	H5-5.5-01	Kế hoạch kỹ năng sống	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	2	H5-5.5-02	Kế hoạch tuyên truyền pháp luật	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	3	H5-5.5-03	Kế hoạch ngoài giờ lên lớp	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	4	H5-5.5-04	Hồ sơ ngoại khóa	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	5	H5-5.5-05	Kế hoạch dạy STEM, hội thi xe thể năng....	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	6	H5-5.5-06	Các hình ảnh tuyên truyền pháp luật, sinh hoạt chuyên đề kỹ năng sống, STEM, khoa học kỹ thuật ...	Năm 2019 đến năm 2023	Tổng phụ trách	Phòng Đoàn – Đội
	7	H5-5.5-07	Báo các hoạt động kỹ năng sống, STEM, khoa học kỹ thuật	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	8	H5-5.5-08	Kết quả các hội thi STEM, khoa học kỹ thuật	Năm 2019 đến năm 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.6	1	H5-5.6-01	Thống kê tình hình duy trì sĩ số	Năm 2019 đến năm 2023	Văn thư	Phòng Học vụ
	2	H5-5.6-02	Hồ sơ xét tốt nghiệp Trung học cơ sở, tư vấn tuyển sinh, định hướng nghề nghiệp	Năm 2019 đến năm 2023	Văn thư	Phòng Học vụ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	3	H5-5.6-03	Thống kê kết quả xét tốt nghiệp	Năm 2019 đến năm 2023	Thư ký Hội đồng	Phòng Học vụ
	4	H5-5.6-04	Thống kê số liệu học sinh học nghề sau tốt nghiệp	Năm 2019 đến năm 2023	Thư ký Hội đồng	Phòng Học vụ